KẾ HOẠCH DẠY HỌC KỸ NĂNG XÃ HỘI (TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG CƠ SỞ)
LỚP 1K1- NĂM HỌC 2025-2026

PHÂN MÔN GIÁO DỤC XÃ HỘI DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ NHẰM:

I,MỤC TIÊU:

-Tăng cường khả năng nhận biết xúc cảm, tình cảm của mình và của người khác; rèn luyện một số hành vi ứng xử thích hợp trong quan hệ của học sinh với mọi người xung quanh.

-Thiết lập, duy trì những tương tác xã hội phù hợp, tích cực với người khác; giải quyết một số tình huống nảy sinh trong gia đình, trường học, trong cuộc sống cộng đồng và trong quan hệ về giới.

-Biết cách thể hiện thái độ tôn trọng, yêu quý bản thân và mọi người xung quanh; rèn luyện tư cách, đạo đức cho học sinh.

-Rèn luyện và phát triển khả năng tự quyết, đề xuất ý kiến và kiên trì thực hiện nhiệm vụ.

1. NỘI DUNG

Chủ đề/ Nội dung	**Tuần/tháng**	**Tên bài dạy**	**Số tiết**	**Yêu cầu cần đạt**
I/Kỹ năng chung **1/ Đáp ứng với người khác ở mức độ đơn giản**	**Tuần 1/9**	Làm quen với hoạt động Sinh hoạt dưới cờ (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Học sinh được tham gia và làm quen với hoạt động sinh hoạt dưới cờ.
		Lắng nghe người khác nói	1	-Chú ý lắng nghe khi người khác nói, không ngắt lời. -Thực hiện các cử chỉ thể hiện sự lắng nghe như gật đầu nhẹ.
		Các bạn của em (HĐTT)	**1**	- Học sinh bước đầu giới thiệu bản thân và làm quen với 1 số bạn trong lớp
2/Chào hỏi.	**Tuần 2/9**	Xây dựng Đôi bạn cùng tiến (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- HS có ý thức đoàn kết, giúp đỡ bạn bè trong học tập và rèn luyện.
		Chào hỏi lễ phép	1	-Biết nói lời chào khi gặp người lớn tuổi, thầy cô giáo, bạn bè và người lạ.

		Hát về tình bạn (HĐTT)	**1**	- Tự đánh giá việc thực hiện phong trào "Đôi bạn cùng tiến". - Yêu quý, đoàn kết với bạn bè.
	Tuần 3/9	Tìm hiểu An toàn trường học (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông. - Có ý thức chấp hành đúng và tham gia giao thông an toàn, đặc biệt ở cổng trường.
		Nói lời cảm ơn và xin lỗi	1	- Biết nói lời cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ hoặc được quà tặng. - Biết nói lời xin lỗi khi làm sai hoặc làm phiền người khác.
		Chia sẻ việc thực hiện An toàn giao thông ở cổng trường(HĐTT)	**1**	- HS tự liên hệ và đánh giá về những việc bản thân và các bạn trong lớp đã làm được để tham gia xây dựng "Cổng trường an toàn giao thông".
3/Tôn trọng đồ dùng cá nhân.	**Tuần 4**	Tham gia vui tết Trung thu (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- HS hiểu được ý nghĩa và những hoạt động của ngày tết Trung thu, có xúc cảm tích cực về ngày tết Trung thu.
		Không tự ý lấy và sử dụng đồ của người khác	1	- Giáo dục học sinh không lấy hoặc sử dụng đồ đạc của người khác khi chưa được phép.
		Chia sẻ điều em học được từ chủ đề Trường tiểu học (HĐTT)	**1**	- Quan sát và chia sẻ trước lớp về những hoạt động và cảm xúc của bản thân trong ngày tết Trung thu. - Tự nhận xét và đánh giá bản thân về những điều đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề "Trường tiểu học"
4/ Hiểu và thể hiện cảm xúc	**Tuần 5**	Phát động phong trào Tìm kiếm tài	**1**	- Biết được nội dung phong trào "Tìm kiếm tài năng nhí" đối với HS lớp 1.

một cách phù hợp		năng nhí (Sinh hoạt dưới cờ)		- Sẵn sàng tham gia phong trào "Tìm kiếm tài năng nhí"
		Vui chơi tại siêu thị Co.omart	1	Thực hành ăn uống đúng cách tại nơi công cộng, thể hiện cảm xúc ăn, uống phù hợp
		Trình diễn tài năng của em (HĐTT)	**1**	- Bước đầu nhận biết và thể hiện được khả năng của mình trước các bạn. - Vui vẻ, tự tin tham gia và ủng hộ các bạn khác tham gia cuộc thi
5/ Phép lịch sự	**Tuần 6**	Nói lời hay ý đẹp (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được nội dung phong trào "Nói lời hay ý đẹp". - Hồ hởi tham gia phong trào "Nói lời hay ý đẹp".
		Lời xưng hô	1	-Biết xưng "con" khi nói với cha mẹ, "cháu" với ông bà, "em" với anh chị hoặc người lớn tuổi, tớ/mình" với bạn bè, tùy thuộc vào mức độ thân thiết.
		Thực hiện nói lời hay ý đẹp (HĐTT)	**1**	- Bước đầu biết và hiểu cách thể hiện lời hay ý đẹp trước các bạn. - Vui vẻ, tự tin trong giao tiếp với mọi người.
6. Ứng xử với bản thân và mọi người	**Tuần 7**	Nội dung PL1.4 Ngày phụ nữ VN	**1**	-Tìm hiểu ngày phụ nữ VN (20/10.
		Ứng xử với người lạ	1	-Giúp học sinh nhận biết và xử lý khi gặp người lạ để tự bảo vệ bản thân. - Dạy trẻ không nhận quà, không đi theo người lạ và biết tìm kiếm sự giúp đỡ từ người tin cậy.
		Chia sẻ việc thực hiện nền nếp sinh hoạt (HĐTT)	**1**	- Bước đầu biết tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện nền nếp sinh hoạt - Bước đầu tự giác thực hiện nền nếp sinh hoạt.

II/ Tại gia đình **1/Ứng xử với mọi người trong gia đình**	**Tuần 8**	Đánh giá việc thực hiện rèn nền nếp sinh hoạt (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được thành tích của lớp mình trong phong trào rèn nền nếp. - Tự tin thực hiện nền nếp trong học tập và sinh hoạt.
			1	- Chia sẻ, nhường nhịn và giúp đỡ lẫn nhau - Không bắt nạt hoặc chê bai nhau
		Chia sẻ điều em học được từ chủ đề Em là ai?	**1**	- Biết chia sẻ những điều đã học được từ chủ đề với các bạn và thầy cô. - Tự tin, vui vẻ trong giao tiếp với mọi người.
2/ Ứng xử với khách đến thăm nhà	**Tuần 9**	Phát động hội diễn chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20- 11 (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được kế hoạch của nhà trường, của Đội về tổ chức hội diễn chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11. - Có ý thức và thái độ tích cực tham gia ngày hội diễn tri ân thầy cô.
		Mở cửa và chào hỏi khách		- Mở cửa đón khách với một nụ cười tươi - Khoanh tay và thưa gửi vị khách một cách lễ phép
		Lựa chọn tiết mục văn nghệ cho ngày hội diễn (HĐTT)	**1**	- Cùng nhau xây dựng được kế hoạch của lớp tham gia hội diễn chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11. - Có ý thức và thái độ tích cực tham gia, hoặc hỗ trợ, phối hợp với các bạn cùng tham gia ngày hội diễn.
III/ Tại trường học **1/ Ứng xử với giáo viên**	**Tuần 10**	Thi đua giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được kế hoạch của nhà trường, của Đội về phát động phong trào thi đua giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp. - Thực hiện được các công việc cụ thể hằng ngày để góp phần giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp. - Có ý thức và thái độ tích cực, tự giác tham gia giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp.
		Xưng hô với giáo viên	1	-Sử dụng các từ ngữ xưng hô kính trọng như "Thưa cô/thầy",

				"Con ạ" -Tránh dùng những từ ngữ thiếu lễ phép hoặc gọi tên riêng Giáo viên.
		Chia sẻ về việc giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp (HĐTT)	**1**	- Tự đánh giá việc giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp của bản thân, của bạn, của cả lớp. - Có tinh thần trách nhiệm trong giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp. - Có ý thức và thái độ tích cực tham gia giữ gìn trường, lớp sạch đẹp.
1/ Ứng xử với giáo viên	**Tuần 11**	Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- HS tham gia các tiết mục văn nghệ trong ngày hội diễn một cách vui vẻ, tự giác.
		Giao tiếp với giáo viên	1	-Trả lời câu hỏi của giáo viên một cách lễ phép và trung thực -Tránh nói trống không, cãi lại hoặc tỏ thái độ không hợp tác
		Sáng tạo theo chủ đề Thầy cô của em (HĐTT)	**1**	- Hiểu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, biết được một số việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thầy cô. - Sáng tạo được một sản phẩm cụ thể như: làm bưu thiếp, vẽ tranh, viết lời hay ý đẹp tặng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11. - Hình thành niềm đam mê sáng tạo.
2/ Ứng xử với bạn bè	**Tuần 12**	Trang trí cây tri ân (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết một hình thức thể hiện tình cảm của bản thân để tỏ lòng biết ơn thầy cô, đó là trang trí Cây tri ân bằng những bông hoa, tấm bưu thiếp tự làm với những lời hay, ý đẹp về thầy cô.

				- Hiểu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 là để tri ân thầy cô giáo
		Nhường nhịn và thông cảm	1	- Học sinh cần hiểu thế nào là thông cảm, nhường nhịn khi cư xử với bạn bè để giải quyết các mâu thuẫn.
		Em và các bạn đã làm gì để tỏ lòng biết ơn thầy cô? (HĐTT)	**1**	-Tự đánh giá được việc làm của bản thân và của bạn khác liên quan tới chủ đề biết ơn thầy cô. - Có ý thức và thái độ tích cực tham gia thực hiện được những hành vi, việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thầy cô.
2/Ứng xử với bạn bè	**Tuần 13**	Giao lưu với chú bộ đội (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được hình mẫu bộ đội trong đời thực. - Hiểu được vai trò của bộ đội trong giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc - Có thái độ biết ơn các chiến sĩ bộ đội đã và đang canh giữ bình yên cho Tổ quốc
		Chủ động làm quen và kết bạn	1	- Khuyến khích trẻ chủ động bắt chuyện, chào hỏi bạn bè để tạo dựng mối quan hệ
		Vẽ tranh về chú bộ đội (HĐTT)	**1**	- Thể hiện tình cảm của bản thân với bộ đội qua hoạt động vẽ tranh. - Yêu thích hoạt động sáng tạo nghệ thuật..
3. Thực hiện một số nội quy trong trường, lớp	**Tuần 14**	Tập làm chú bộ đội (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Thực hiện được một số động tác đội hình, đội ngũ đơn giản; có tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát như chú bộ đội. - Có tình cảm kính trọng, biết ơn bộ đội.
		Một số nội quy học sinh lớp 1 cần thực hiện	1	-Tôn trọng người lớn và lễ phép với thầy cô giáo -Hòa nhã với bạn bè -Đi học đúng giờ
		Hát về chú bộ đội	**1**	- Thể hiện tình cảm của bản thân với chú bộ đội qua hoạt

		(HĐTT)		động sinh hoạt tập thể hát về chú bộ đội. - Yêu thích hoạt động văn nghệ.
3. Thực hiện một số nội quy trong trường, lớp	**Tuần 15**	Tìm hiểu về Những người có công với quê hương (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được một số nhân vật và sự kiện lịch sử tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Yêu thích tìm hiểu về lịch sử.
		Ý nghĩa của việc thực hiện nội quy lớp học	1	-Thực hiện tốt nội quy trường lớp mang lại nhiều lợi ích cho học sinh
		Hát về những người anh hùng (HĐTT)	**1**	- Hát được một số bài hát ca ngợi các vị anh hùng của quê hương, đất nước. - Tự hào về lịch sử Việt Nam
IV/Tại cộng đồng 1. Phân biệt người thân, người quen, người lạ	**Tuần 16**	Theo PL 1.4: Ngày Thành lập QĐND Việt Nam	**1**	- Tìm hiểu về ngày Thành lập QĐND Việt Nam.
		Quy tắc an toàn	1	- Dạy trẻ không đi theo hoặc nhận bất cứ thứ gì từ người lạ khi không có sự cho phép của người lớn tin cậy - Hướng dẫn trẻ giữ khoảng cách và không trò chuyện với người lạ, đặc biệt ở những nơi vắng vẻ.
		Cảm xúc của em trong Ngày hội làm việc tốt (HĐTT)	**1**	- HS có thái độ yêu thương và tinh thần sẻ chia với những người gặp hoàn cảnh khó khăn.
2. Văn hóa trong cộng đồng	**Tuần 17**	Mùa xuân trên quê hương em (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được nội dung nhà trường phổ biến về việc tìm hiểu các lễ hội mùa xuân của quê hương. - Nhiệt tình tham gia theo yêu cầu của nhà trường.
		Nói lời hay, cử chỉ đẹp	1	- Nói năng nhỏ nhẹ, rõ ràng, từ tốn, không nói tục, chửi thề

				- Biết nói "cảm ơn" khi nhận được sự giúp đỡ và "xin lỗi" khi làm sai hoặc gây phiền
		Giới thiệu tranh, ảnh về lễ hội mùa xuân quê em(HĐTT)	**1**	- Biết được các lễ hội của quê hương. - Bước đầu hình thành lòng yêu quê hương.
3. Tham gia giao thông an toàn	**Tuần 18**	Tìm hiểu trò chơi dân gian trong lễ hội (Sinh hoạt dưới cờ)	**1**	- Biết được yêu cầu của nhà trường về việc tìm hiểu trò chơi dân gian trong các lễ hội. - Hứng thú tìm hiểu các trò chơi dân gian.
		Cách qua đường an toàn	1	- Quan sát hai bên đường và lắng nghe tiếng động cơ cẩn thận - Giơ tay ra hiệu xin qua đường và chọn thời điểm thích hợp
		Tập chơi các trò chơi dân gian (HĐTT)	**1**	- Tham gia các trò chơi dân gian do lớp tổ chức. - Tích cực, hồ hởi chơi các trò chơi dân gian.
HKII **V/ Giới tính** 1. Hành vi giới tính phù hợp với bản thân	**Tuần 19**	Trò chơi dân gian	**1**	- Tham gia các trò chơi dân gian do nhà trường tổ chức. - Hồ hởi tích cực chơi các trò chơi dân gian. - Giúp các em rèn luyện khả năng tập trung và phản xạ nhanh nhẹn, khéo léo trong hoạt động.
		Nhận biết và gọi tên cácbộ phận cơ thể (T1)	1	-Giúp trẻ biết tên gọi chính xác của các bộ phận cơ thể, bao gồm cả những bộ phận riêng tư
		Em thích trò chơi dân gian nào nhất?	**1**	- Biết chia sẻ cảm xúc khi chơi trò chơi dân gian. - Muốn được thường xuyên chơi các trò chơi dân gian.
	Tuần 20	Múa hát về chủ đề mùa xuân	**1**	- Được trải nghiệm về mùa xuân qua các bài hát. - Hồ hởi tham gia các hoạt động của lớp, của trường.
		Quy tắc "Vùng riêng tư" và sự đồng ý(T1)		-Dạy trẻ hiểu rằng có những vùng trên cơ thể không ai được phép nhìn hoặc chạm vào nếu không có sự cho phép của trẻ.

		Chia sẻ về hoạt động em yêu thích	**1**	- Biết chia sẻ cảm xúc sau các hoạt động của chủ đề. - Bước đầu vận dụng được điều đã học vào cuộc sống hằng ngày.
	Tuần 21	Thông báo kế hoạch tham quan cảnh đẹp quê hương	**1**	- Biết được nội dung ,hình thức và kế hoạch tham quan quê hương. - Hiểu cảnh đẹp quê hương (qua sự tìm hiểu xung quanh, hỏi bố, mẹ, người lớn,)
		Sự khác biệt giữa bé trai và bé gái (T1)	1	-Giúp trẻ hiểu rằng có sự khác biệt về mặt thể chất giữa bé trai và bé gái, và mỗi giới đều có những đặc điểm riêng.
		Chuẩn bị tham quan	**1**	- Biết được mục đích ,yêu cầu của buổi tham quan. - Tích cực chuẩn bị cho buổi tham quan
	Tuần 22	Phát động phong trào: “ bảo vệ môi trường quê hương”.	**1**	- Biết được nội dung, kế hoạch văn nghệ của nhà trường. - Hào hứng tham gia hoạt động chuẩn bị.
		Ai là người mình có thể tin tưởng và chia sẻ(T1)	1	-Giúp trẻ nhận biết những người lớn đáng tin cậy trong cuộc sống (ví dụ: cha mẹ, ông bà, thầy cô giáo) để tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc chia sẻ khi cần.
		Giới thiệu cảnh đẹp em yêu thích	**1**	- Rèn kĩ năng trình bày ý kiến trước tập thể lớp về những cảnh đẹp của quê hương mà em yêu thích.
	Tuần 23	Phát động hội diễn theo chủ đề quê hương em.	**1**	- Biết được nội dung , kế hoạch hội diễn văn nghệ theo chủ đề quê hương em. - Hào hứng tham gia hoạt động chuẩn bị.
		An toàn khi gặp người lạ (T1)	1	-Trang bị cho trẻ những kiến thức cơ bản để nhận biết và ứng phó an toàn khi gặp người lạ
		Chuẩn bị hội diễn	**1**	- Biết chia sẻ các bạn trong việc chuẩn bị tham gia hội diễn cảu lớp.

				- Tích cực tham gia các tiết mục trong hội diễn của lớp.
2. Hành vi giới tính phù hợp với những người khác	**Tuần 24**	- Theo PL 1.4: Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3)	**1**	-Tìm hiểu ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3)
		Nhận biết và gọi tên các bộ phận cơ thể (T2)	1	-Giúp trẻ biết tên gọi chính xác của các bộ phận cơ thể, bao gồm cả những bộ phận riêng tư
		Điều em học được từ chủ đề quê hương em	**1**	- Biết chia sẻ với các bạn về chủ đề " Quê hương em". - Tích cực tham gia các hoạt động làm đẹp quê hương của trường của lớp.
	Tuần 25	Phát động hội diễn chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 - 3	**1**	- Định hướng cho học sinh chuẩn bị các nội dung cho hoạt động đầu tháng 3 hướng đến chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 - 3
		Quy tắc "Vùng riêng tư" và sự đồng ý(T2)		-Dạy trẻ hiểu rằng có những vùng trên cơ thể không ai được phép nhìn hoặc chạm vào nếu không có sự cho phép của trẻ.
		Hát về bà và mẹ	**1**	Giúp HS thể hiện tình cảm và thái độ đối với bà, với mẹ và cô giáo bằng việc tham gia các tiết mục văn nghệ để chuẩn bị cho hội diễn chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 - 3
	Tuần 26	Hội diễn văn nghệ	**1**	HS bày tỏ tình cảm với bà, với mẹ và cô giáo thông qua việc tham gia các hoạt động văn nghệ
		Sự khác biệt giữa bé trai và bé gái (T2)	1	-Giúp trẻ hiểu rằng có sự khác biệt về mặt thể chất giữa bé trai và bé gái, và mỗi giới đều có những đặc điểm riêng.
		Chia sẻ việc làm tốt giúp gia đình	**1**	HS có khả năng tự liên hệ để nhận xét, đánh giá hành vi đã làm được và chưa làm được trong cuộc sống hằng ngày để giúp đỡ gia đình.
	Tuần 27	Phát động vẽ tranh: " Gia đình của em"	**1**	- HS biết thể hiện tình cảm với những người thân và tình yêu gia đình.

		Ai là người mình có thể tin tưởng và chia sẻ(T2)	1	-Giúp trẻ nhận biết những người lớn đáng tin cậy trong cuộc sống (ví dụ: cha mẹ, ông bà, thầy cô giáo) để tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc chia sẻ khi cần.
		Cùng vẽ tranh	**1**	HS thể hiện thái độ và tình cảm của bản thân đối với gia đình thông qua các bức tranh hưởng ứng cuộc thi vẽ tranh của nhà trường.
	Tuần 28	Giới thiệu bức tranh của em	**1**	- Học sinh cảm nhận và chia sẽ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về hạnh phúc thông qua các tranh vẽ theo chủ đề "Gia đình em".
		An toàn khi gặp người lạ (T2)	1	-Trang bị cho trẻ những kiến thức cơ bản để nhận biết và ứng phó an toàn khi gặp người lạ
		Chia sẽ những việc em đã làm để giúp đỡ gia đình	**1**	-Học sinh bày tỏ tình cảm về gia đình của mình qua tranh đã vẽ. - Học sinh quan sát và chia sẽ trước lớp về những việc bản thân đã làm được trong chủ đề.
VI/ Kỹ năng tự quyết, tự chủ 1. Kỹ năng tự quyết	**Tuần 29**	Phát động phong trào "Nhân ái, sẻ chia"	**1**	-Biết được nội dung phong trào "Nhân ái, sẽ chia" - Có ý thức tích cực, sẵn sang tham gia các hoạt động liên quan.
		Nhận biết điểm mạnh, điểm yếu và đặt mục tiêu cá nhân	1	-Bài học này giúp học sinh hiểu rõ hơn về bản thân, nhận ra những gì mình làm tốt và những gì cần cải thiện. Từ đó, các em có thể tự đặt ra những mục tiêu học tập và sinh hoạt phù hợp với khả năng của mình, đồng thời học cách khắc phục khó khăn để đạt được mục tiêu đó
		Tìm hiểu khó khăn của bạn	**1**	-Biết được khó khăn của các bạn vùng sâu, vùng xa. - Tích cực tham gia các hoạt động nhân ái, sẻ chia.

	Tuần 30	Món quà sẻ chia	**1**	-Vui vẻ, tự hào khi được tham gia đóng góp trong Ngày hội sẻ chia. - Sẵn sàng, tích cực tham gia các hoạt động liên quan.
		CĐ4- tổ: Học sinh tham quan, vui chơi tại Đồi Tuyết	1	-HS thực hành kỹ năng xã hội nơi công cộng thông qua tham quan vui chơi tại Đồi Tuyết
		Viết lời yêu thương	**1**	-Biết thể hiện sự yêu thương với các bạn vùng khó khăn. - Mong muốn được tham gia các hoạt động liên quan
	Tuần 31	Tổng kết phong trào " Nhân ái, sẻ chia"	**1**	-Vui vẻ, tự hào khi được đóng góp, tham gia phong trào "Nhân ái, sẻ chia" - Sẵn sàng, tích cực tham gia các hoạt động liên quan.
		Tự phục vụ và quản lý thời gian	1	-Bài học này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tự chăm sóc bản thân và quản lý thời gian cá nhân. Học sinh được hướng dẫn cách tự thực hiện các công việc hàng ngày như chuẩn bị đồ dùng học tập, đi học đúng giờ, hoàn thành nhiệm vụ được giao, từ đó hình thành tính tự lập và kỷ luật
		Khúc hát yêu thương	**1**	- Học sinh trình bày được các bài hát thể hiện tình cảm yêu thương của bản thân với mọi người.
	Tuần 32	Hát mừng ngày giải phóng miền Nam 30- 4	**1**	- Bước đầu biết được ý nghĩa ngày Giải phóng miền Nam 30 - 4 -1975. - Tự hào khi nghe hát về ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
		Kỹ năng giao tiếp và bày tỏ quan điểm	1	-Bài học này giúp học sinh rèn luyện kỹ năng nói, nhận xét, bày tỏ ý kiến cá nhân một cách mạnh dạn trước tập thể, đồng thời học cách lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác.

				Điều này tạo điều kiện để các em xây dựng mối quan hệ tích cực với bạn bè và thầy cô, cũng như phát triển các kỹ năng mềm khác như chia sẻ, cảm thông và thương lượng
		Em học được gì từ chủ đề "Chia sẻ và hợp tác"	**1**	Sau hoạt động, HS có khả năng: - Biết chia sẻ những điều học được và lợi ích khi hợp tác, làm việc cùng nhau. -Tích cực khi làm việc cùng các bạn khác.
2. Khả năng tự chủ	**Tuần 33**	Mừng ngày sinh nhật Bác Hồ	**1**	Giúp HS: Định hướng các hoạt động kỉ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ mà HS ở một khối lớp sẽ tham gia phù hợp với lứa tuổi.
		Tự làm những việc của mình	1	-Bài học này tập trung vào việc rèn luyện cho học sinh tính tự lực trong các hoạt động cá nhân. Điều này bao gồm việc tự vệ sinh cá nhân (ăn uống, mặc quần áo sạch sẽ), tự chuẩn bị và cất giữ đồ dùng học tập, cũng như tự hoàn thành các công việc nhỏ được giao theo sự hướng dẫn
		Đọc thơ về Bác Hồ	**1**	Giúp HS biết lựa chọn những bài thơ về Bác Hồ và thể hiện tình cảm của mình khi đọc thơ trước lớp
	Tuần 34	Nghe kể chuyện về Bác Hồ	**1**	Tạo cơ hội để HS được trực tiếp nghe những câu chuyện về Bác Hồ qua lời kể của người lớn.
		Tự điều chỉnh cảm xúc và hành vi	1	-Bài học này giúp học sinh nhận biết và quản lý cảm xúc của bản thân. Học sinh sẽ được học cách thể hiện tình cảm, cảm xúc một cách phù hợp, biết chia sẻ với người khác, và ứng xử hòa nhã. Đồng thời, các em cũng học cách thực hiện đúng kế hoạch học tập và lao động, tránh làm ảnh hưởng đến việc

				học và các hoạt động khác
		Triển lãm tranh “Bác Hồ với thiếu nhi”	**1**	- Hiểu được tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi, thể hiện thái độ kính yêu Bác Hồ bằng những việc làm cụ thể trong học tập và rèn luyện hằng ngày.
	Tuần 35	Hội diễn đài sen dâng Bác	**1**	- Tạo cơ hội để HS được tham gia hoạt động và thể hiện khả năng của mình trước các HS trong toàn trường.
		Tự học và tự hoàn thiện	1	-Bài học này khuyến khích học sinh có ý thức học hỏi và cải thiện bản thân. Học sinh sẽ được hướng dẫn cách tổng kết những gì đã học, nhận ra và sửa lỗi sai trong bài tập hoặc bài kiểm tra, cũng như chủ động tìm hiểu, học hỏi từ thầy cô và bạn bè để mở rộng kiến thức
		Cháu ngoan Bác Hồ	**1**	- Giúp HS phấn khởi và tự tin nhìn lại quá trình rèn luyện của mình sau một năm học đầu tiên ở trường tiểu học.

KẾ HOẠCH DẠY HỌC KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ (TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG CƠ SỞ)
LỚP 1K1- NĂM HỌC 2025-2026

1,MỤC TIÊU

-Phân môn kỹ năng tự phục vụ dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ nhằm:
-Trang bị những kiến thức và kỹ năng về chăm sóc và phục vụ bản thân trong các lĩnh vực: ăn uống vệ sinh, vệ sinh bản thân, chăm sóc diện mạo bên ngoài, trang phục.
-Rèn luyện ý thức tự giác sử dụng kỹ năng tự phục vụ.

2,NỘI DUNG:

HỌC KỲ I				
Chủ đề/ nội dung	**Tuần tháng**	**Tên bài**	**Số tiết**	**Mục tiêu cần đạt**
I/ Ăn uống **1/Ăn uống tại gia đình**	**1/9**	Các bữa ăn trong ngày của em	**1**	-Giúp học sinh nhận biết các bữa ăn chính trong ngày (sáng, trưa, tối) -Ý nghĩa của từng bữa ăn đối với sức khỏe.
		Ăn đúng giờ, đủ bữa	**1**	-Tầm quan trọng của việc ăn uống đúng giờ và đủ bữa để cơ thể khỏe mạnh, tránh các vấn đề về tiêu hóa như đau dạ dày.
		Nhận biết thực phẩm có lợi, có hại	**1**	Hướng dẫn học sinh phân biệt các loại thức ăn, đồ uống có lợi cho sức khỏe, và những loại thức ăn nên hạn chế
		Thực phẩm cho cơ quan tiêu hóa khỏe mạnh	**1**	Giới thiệu các loại thực phẩm tốt cho hệ tiêu hóa (ví dụ: rau củ, sữa chua).
	2/9	Thực phẩm cho trái tim khỏe mạnh	**1**	Hướng dẫn học sinh biết các loại thực phẩm có lợi cho hệ tuần hoàn (ví dụ: cá, các loại hạt).
		Thực phẩm giúp trí não thông minh	**1**	Giới thiệu những thực phẩm tốt cho hệ thần kinh và phát triển trí não (ví dụ: trứng, sữa, cá).

		Học cách nấu xôi (tiết1)	**1**	HS nhận biết tên 1 số loại xôi và nguyên liệu nấu xôi đậu xanh
		Học cách nấu xôi (tiết2)	**1**	-HS biết một số công đoạn cơ bản trong nấu xôi đậu xanh(vo gạo, ngâm gạo,...)
	3/9	Không kén chọn thức ăn	**1**	Khuyến khích học sinh ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng, không kén ăn.
		Giúp đỡ cha mẹ chuẩn bị bữa ăn	**1**	Biết tham gia vào một số công việc đơn giản để giúp người thân chuẩn bị bữa ăn: nhặt rau, rửa trái cây, sắp xếp bàn ăn.
		Thực hành nấu xôi đậu xanh ngoài trười (t1)	**1**	-HS biết cách tham gia vào một số bước đơn giản trong việc nấu xôi đậu xanh bằng nồi cơm điện như: rửa đậu, vo gạo nếp, cho gạo và đậu vào nồi, bấm nút nấu xôi,.... - Biết giữ vệ sinh, an toàn khi tham gia nấu ăn.
		Thực hành nấu xôi đậu xanh ngoài trười (t1)	**2**	
2/ Ăn uống tại trường học	**4**	Ăn uống hàng ngày	**1**	-Nhận biết các loại thực phẩm cần thiết cho cơ thể, thực phẩm có lợi và không có lợi cho sức khỏe -Thực hành phân loại thực phẩm
		Ăn uống hợp lý	**1**	-Học sinh nhận biết việc ăn uống hợp lý và ăn uống có hại cho sức khỏe. - Rèn luyện thói quen ăn uống hợp lý
		Ăn đủ no và đúng bữa	**1**	- Tầm quan trọng của việc ăn đủ no để có sức khỏe tốt và học tập hiệu quả. - Tầm quan trọng của bữa sáng để có sức khỏe tốt và học tập hiệu quả.
		Uống đủ nước	**1**	-Tầm quan trọng của việc uống đủ nước, không chỉ khi khát. - Tập thói quen uống 4-6 cốc nước (khoảng 1 lít) mỗi ngày
		Vệ sinh ăn uống	**1**	-Thói quen rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh

	5	Đa dạng thực phẩm và dinh dưỡng cân bằng	1	- Học sinh nhận biết tầm quan trọng của việc ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau, đảm bảo đủ 4 nhóm chất (chất bột đường, đạm, chất béo, vitamin và khoáng chất) - Khuyến khích ăn nhiều rau, trái cây.
		CĐ1: Ăn uống tại siêu thị Co.omart	1	Thực hành kỹ năng ăn uống nơi công cộng siêu thị)
		Ăn uống tại siêu thị Co.omart	1	
	6	Hạn chế thức ăn không tốt cho sức khỏe	1	-Hướng dẫn học sinh hạn chế ăn vặt, bánh kẹo, nước ngọt trước bữa ăn. -Tránh thức ăn nhanh, đồ chiên dầu
		Lựa chọn thực phẩm an toàn	1	-Học sinh nhận biết và tránh những thực phẩm không an toàn (ví dụ: bánh mì mốc, cam thối, bánh hết hạn sử dụng)
		Chế biến thức ăn hợp lý	1	-Học sinh được khuyến khích ăn các món luộc, canh; hạn chế món kho rim, rang mặn. -Tập thói quen ăn nhạt, không ăn quá mặn.
		Thể hiện sự tôn trọng trong bữa ăn	1	-Học sinh học cách nói lời cảm ơn, lễ phép, và biết chia sẻ trong bữa ăn. -Biết lấy đồ tráng miệng, tăm xỉa răng cho người lớn (hành động nhỏ thể hiện sự yêu thương, lễ phép)
3/ Ăn uống Nơi công cộng	7	Rửa tay sạch sẽ trước khi ăn	1	-Học sinh cần biết tầm quan trọng của việc rửa tay bằng xà phòng và nước sạch trước khi chạm vào thức ăn để đảm bảo vệ sinh và phòng tránh bệnh tật.
		Xếp hàng chờ đến lượt	1	- Khi lấy thức ăn tại nơi công cộng hoặc nhận thức ăn ở phòng ăn tập thể, học sinh cần rèn luyện tính nhẫn nại, biết xếp hàng ngay ngắn và chờ đợi đến lượt mình, không chen lấn xô đẩy.
		Lấy lượng thức ăn vừa đủ	1	-Học sinh cần học cách ước lượng và chỉ lấy lượng thức ăn vừa đủ cho mình, tránh lãng phí
		Sử dụng dụng cụ gắp	1	- Biết cách sử dụng các dụng cụ như kẹp, muỗng để gắp thức ăn một cách lịch sự,

		thức ăn đúng cách		không làm rơi vãi
	8	Ăn uống từ tốn, không gây tiếng ồn	**1**	- Học sinh nên ăn chậm rãi, nhai kỹ, không nói chuyện khi miệng đầy thức ăn và tránh tạo ra tiếng động lớn khi ăn (ví dụ: không chép miệng)
		Không làm rơi vãi thức ăn	**1**	-Cố gắng giữ gìn vệ sinh chung, không làm rơi vãi thức ăn ra bàn, sàn nhà hoặc làm bẩn quần áo
		Tự dọn dẹp chén đĩa sau khi ăn	**1**	- Biết cách tự giác mang chén đĩa bẩn đến đúng nơi quy định sau khi ăn xong, thể hiện tính tự lập và ý thức giữ gìn vệ sinh chung.
		Không đảo xới, lựa chọn đồ ăn trong đĩa chung	**1**	-Học sinh cần được dạy không dùng đũa, thìa cá nhân đảo xới hay lựa chọn thức ăn trong các đĩa chung, điều này thể hiện sự thiếu lịch sự và mất vệ sinh.
	9	Uống nước đúng cách	**1**	- Biết uống từng ngụm nhỏ, không ngửa cổ quá mức để tránh bị sặc, và nhận biết được độ nóng/lạnh của đồ uống
		Không vừa ăn vừa nói chuyện đùa nghịch	**1**	- Học sinh cần hiểu rằng việc nói chuyện, đùa nghịch trong khi ăn có thể gây hóc sặc, mất tập trung và làm rơi vãi thức ăn
		Biết ơn và trân trọng thức ăn	**1**	- Giúp học sinh hiểu giá trị của thức ăn, không bỏ phí, và thể hiện lòng biết ơn đối với người đã chuẩn bị bữa ăn
		Giữ vệ sinh miệng sau khi ăn	**1**	- Tạo thói quen súc miệng hoặc lau miệng sạch sẽ sau khi ăn để giữ vệ sinh cá nhân
II/ Vệ sinh **1/ Thói quen đi vệ sinh**	**10**	Nhận biết tín hiệu cơ thể	**1**	-Học cách lắng nghe cơ thể để nhận biết khi nào buồn tiểu hoặc buồn đại tiện. -Sử dụng các dấu hiệu như cảm giác đầy bụng, căng tức bàng quang để hiểu nhu cầu của bản thân.
		Cách báo hiệu khi có nhu cầu đi vệ sinh	**1**	-Dạy trẻ cách nói rõ ràng "Con muốn đi vệ sinh" hoặc "Con buồn đi vệ sinh" với giáo viên hoặc người lớn. -Hướng dẫn trẻ sử dụng cử chỉ hoặc dấu hiệu nếu chưa thể diễn đạt bằng lời.

		Tìm nhà vệ sinh đúng cách	**1**	-Học cách nhận biết các biển chỉ dẫn nhà vệ sinh (biển nam/nữ, ký hiệu) -Biết vị trí nhà vệ sinh trong trường học và các khu vực công cộng khác
		Xếp hàng và chờ đợi đến lượt	**1**	-Dạy trẻ biết xếp hàng theo thứ tự khi nhà vệ sinh có nhiều người -Rèn luyện tính kiên nhẫn và không chen lấn.
	11	Sử dụng bồn cầu đúng cách	**1**	-Hướng dẫn cách ngồi bồn cầu đúng tư thế (không giẫm chân lên bồn cầu) -Với bé trai, dạy cách đi tiểu đứng hoặc ngồi tùy theo tình huống.
		Kỹ năng vệ sinh cá nhân sau khi đi vệ sinh	**1**	-Dạy cách dùng giấy vệ sinh (lau từ trước ra sau đối với bé gái) -Hướng dẫn lượng giấy vệ sinh vừa đủ để tránh lãng phí và tắc nghẽn.
		Xả nước bồn cầu và giữ vệ sinh chung	**1**	-Biết cách xả nước bồn cầu sau khi đi vệ sinh. -Dạy trẻ không vứt rác bừa bãi và bỏ giấy vệ sinh vào thùng rác đúng nơi quy định
		Rửa tay đúng quy trình	**1**	-Hướng dẫn các bước rửa tay với xà phòng và nước sạch (ít nhất 20 giây) -Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc rửa tay để loại bỏ vi khuẩn.
	12	Kỹ năng tự mặc quần áo khi đi vệ sinh	**1**	-Tự kéo quần/váy xuống trước và kéo lên sau khi đi vệ sinh. -Tự cài cúc, kéo khóa (nếu có)
		Giữ vệ sinh khu vực nhà vệ sinh	**1**	-Dạy trẻ ý thức giữ nhà vệ sinh sạch sẽ cho người khác -Không làm đổ nước ra sàn nhà vệ sinh.
		Ứng phó khi gặp sự cố	**1**	-Biết cách gọi người lớn giúp đỡ khi gặp khó khăn (ví dụ: bồn cầu tắc, hết giấy, không xả được nước) -Không hoảng sợ khi có "tai nạn" nhỏ (như làm bẩn quần áo), biết cách báo cho giáo viên.
		Hình thành thói quen đi vệ sinh đúng giờ	**1**	-Khuyến khích trẻ đi vệ sinh vào những giờ cố định trong ngày (ví dụ: trước giờ ngủ trưa, sau giờ ăn) -Giúp trẻ xây dựng một lịch trình sinh hoạt khoa học để rèn luyện thói quen tốt.
2/ Sử dụng	**13**	Dấu hiệu nhận biết nhà vệ sinh	**1**	- Dạy trẻ các biểu tượng (nam/nữ), biển báo, hoặc hình ảnh thường thấy ở cửa nhà vệ sinh. Giải thích rằng đây là nơi chúng ta đi vệ sinh

nhà vệ sinh		Phân biệt nhà vệ sinh nam và nữ	**1**	- Hướng dẫn trẻ cách nhìn các biểu tượng, hình ảnh hoặc màu sắc để biết đâu là nhà vệ sinh dành cho nam và đâu là dành cho nữ
		Báo hiệu khi muốn đi vệ sinh	**1**	- Dạy trẻ cách sử dụng cử chỉ, từ ngữ hoặc báo hiệu cho người lớn (giáo viên, cha mẹ) khi có nhu cầu đi vệ sinh
		Tìm đến đúng chỗ	**1**	- Hướng dẫn trẻ đi đến bô hoặc nhà vệ sinh khi muốn đi vệ sinh, không đi ở những nơi khác
	14	Kéo quần trước khi đi vệ sinh	**1**	-Dạy trẻ cách tự kéo quần xuống trước khi ngồi vào bô hoặc bồn cầu
		Ngồi đúng tư thế	**1**	- Hướng dẫn trẻ ngồi đúng tư thế trên bô hoặc bồn cầu (đối với bồn cầu, có thể cần ghế đẩu hỗ trợ để chân không bị lơ lửng)
		Sử dụng giấy vệ sinh/vòi xịt đúng cách	**1**	- Dạy trẻ cách lấy giấy vệ sinh vừa đủ hoặc sử dụng vòi xịt để làm sạch sau khi đi vệ sinh. (Đối với bé gái, nhấn mạnh việc lau từ trước ra sau)
		Xả nước sau khi đi vệ sinh	**1**	-Hướng dẫn trẻ cách nhấn nút hoặc gạt cần xả nước bồn cầu sau khi sử dụng
	15	Kéo quần sau khi đi vệ sinh	**1**	-Dạy trẻ cách tự kéo quần lên gọn gàng sau khi đi vệ sinh xong
		Rửa tay sạch sẽ	**1**	- Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc rửa tay bằng xà phòng và nước sau mỗi lần đi vệ sinh. Hướng dẫn các bước rửa tay đúng cách
		Bỏ rác đúng nơi quy định	**1**	- Dạy trẻ bỏ giấy vệ sinh đã sử dụng hoặc các loại rác khác vào thùng rác, không vứt xuống bồn cầu hoặc ra sàn nhà
		Giữ gìn vệ sinh chung	**1**	- Giải thích cho trẻ về việc giữ sạch sẽ nhà vệ sinh để mọi người cùng sử dụng thoải mái, không vẽ bậy hay làm bẩn tường
3/ Quy	**16**	Tại sao cần đi vệ sinh?	**1**	- Giúp trẻ hiểu lợi ích của việc đi vệ sinh đúng cách để bảo vệ sức khỏe và giữ vệ sinh cá nhân

trình đi vệ sinh		Nhận biết dấu hiệu cần đi vệ sinh	**1**	-Dạy trẻ nhận biết các tín hiệu cơ thể khi cần đi tiểu hoặc đi đại tiện
		Tìm nhà vệ sinh và đi vào nhà vệ sinh an toàn	**1**	- Hướng dẫn trẻ cách tìm nhà vệ sinh ở trường và cách đi vào an toàn, đặc biệt là nhà vệ sinh công cộng
		Sử dụng bồn cầu đúng cách	**1**	-Dạy trẻ cách ngồi lên bồn cầu đúng tư thế, không làm bẩn ra ngoài
	17	Vệ sinh sau khi đi tiểu	**1**	- Hướng dẫn trẻ cách lau chùi sạch sẽ sau khi đi tiểu, đặc biệt là đối với các bé gái
		Vệ sinh sau khi đi đại tiện	**1**	- Dạy trẻ cách lau chùi sạch sẽ sau khi đi đại tiện từ trước ra sau
		Xả nước bồn cầu	**1**	- Hướng dẫn trẻ cách xả nước bồn cầu sau khi sử dụng để giữ vệ sinh chung
		Rửa tay đúng cách sau khi đi vệ sinh	**1**	- Dạy trẻ các bước rửa tay với xà phòng và nước sạch trong ít nhất 20 giây sau khi đi vệ sinh
	18	Lau khô tay	**1**	-Hướng dẫn trẻ cách lau khô tay bằng khăn sạch hoặc giấy lau tay
		Bỏ rác đúng nơi quy định	**1**	- Dạy trẻ bỏ giấy vệ sinh hoặc các vật dụng khác vào thùng rác đúng nơi
		Giữ vệ sinh chung nhà vệ sinh	**1**	- Nhắc nhở trẻ về tầm quan trọng của việc giữ nhà vệ sinh sạch sẽ cho mình và cho người khác
		Xử lý khi gặp sự cố	**1**	- Hướng dẫn trẻ cách thông báo cho người lớn khi gặp sự cố như làm bẩn quần áo, tắc bồn cầu, hoặc không tìm thấy nhà vệ sinh.
HỌC KỲ II				
Chủ đề/ nội dung	**Tuần**	**Tên bài**	**Số tiết**	**Mục tiêu cần đạt**

III/ Vệ sinh bản thân và chăm sóc diện mạo bên ngoài **1/Vệ sinh bản thân**	**19**	Tại sao phải rửa mặt?	**1**	**-**Giải thích tầm quan trọng của việc rửa mặt để loại bỏ bụi bẩn và vi khuẩn sau khi ngủ dậy và trước khi đi ngủ, giúp da sạch sẽ và phòng tránh bệnh tật.
		Chuẩn bị gì trước khi rửa mặt?	**1**	Hướng dẫn chuẩn bị khăn mặt sạch, nước sạch và xà phòng rửa mặt
		Cách làm ướt mặt trước khi rửa mặt	**1**	**-**Hướng dẫn dùng nước làm ướt toàn bộ khuôn mặt một cách nhẹ nhàng
		Cách thoa xà phòng và mát xa nhẹ nhàng khuông mặt khi rửa mặt.	**1**	-Dạy cách lấy một lượng nhỏ xà phòng và thoa đều lêm mặt, sau đó dùng các đầu ngón tay mát xa nhẹ nhàng khắp mặt, đặc biệt là vùng trán, mũi, cằm.
	20	Cách rửa sạch xà phòng	**1**	-Hướng dẫn rửa sạch xà phòng bằng nước cho đến khi không còn cảm giác nhờn
		Cách lau khô mặt bằng khăn.	**1**	**-**Dạy cách dùng khăn mặt sạch, mềm để lau khô mặt nhẹ nhàng, không chà xát mạnh
		Thực hành rửa mặt	**1**	-HS nêu lại 4 bước rửa mặt. -Thực hành rửa mặt tại nhà vệ sinh của trường học.
		Tại sao phải rửa tay chân?	**1**	**-** Giải thích tay và chân là nơi tiếp xúc nhiều với vi khuẩn, việc rửa sạch giúp ngăn ngừa bệnh tật, đặc biệt là bệnh tiêu chảy và nhiễm trùng đường hô hấp
	21	Những lúc nào cần rửa tay?	**1**	**-** Liệt kê các thời điểm cần rửa tay: trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh, sau khi chơi đùa, sau khi chạm vào vật nuôi, sau khi hắt hơi hoặc ho, sau khi từ ngoài về nhà
		Chuẩn bị gì trước khi rửa tay?	**1**	**-** Hướng dẫn chuẩn bị nước sạch và xà phòng rửa tay
		Sáu bước rửa tay đúng cách theo Bộ Y tế	**1**	**-** Dạy làm ướt tay, lấy xà phòng, chà hai lòng bàn tay vào nhau. Sau đó chà lòng bàn tay này lên mu bàn tay kia và ngược lại

		(Bước 1 và 2)		
		Sáu bước rửa tay đúng cách theo Bộ Y tế (Bước 3 và 4)	**1**	- Dạy chà hai lòng bàn tay vào nhau, miết mạnh các ngón tay vào kẽ ngón. Sau đó chà mặt ngoài các ngón tay này vào lòng bàn tay kia
	22	Sáu bước rửa tay đúng cách theo Bộ Y tế (Bước 5 và 6)	**1**	- Dạy dùng lòng bàn tay này xoay ngón cái của bàn tay kia và ngược lại. Cuối cùng, chà các đầu ngón tay này vào lòng bàn tay kia và rửa sạch lại dưới vòi nước
		Rửa chân hàng ngày	**1**	- Hướng dẫn rửa chân sạch sẽ mỗi ngày, đặc biệt là kẽ ngón chân và lau khô cẩn thận để tránh vi khuẩn
		Không đưa tay bẩn lên miệng, cắn móng tay	**1**	- Nhấn mạnh việc không đưa tay bẩn vào miệng hoặc cắn móng tay để tránh lây nhiễm vi khuẩn
		Bài học 16: Cắt móng tay, móng chân thường xuyên	**1**	- Giải thích việc cắt móng tay, móng chân giúp loại bỏ nơi trú ngụ của bụi bẩn và vi khuẩn
	23	Tại sao phải đánh răng?	**1**	- Giải thích tầm quan trọng của việc đánh răng để làm sạch thức ăn thừa, mảng bám, ngăn ngừa sâu răng và giữ hơi thở thơm tho
		Chuẩn bị gì trước khi đánh răng?	**1**	- Hướng dẫn chuẩn bị bàn chải đánh răng, kem đánh răng và cốc nước sạch
		Các bước đánh răng đúng cách	**1**	- Dạy các bước cơ bản: chải mặt ngoài răng, mặt trong răng, mặt nhai và chải lưỡi
		Đánh răng vào buổi sáng và buổi tối	**1**	- Nhấn mạnh việc đánh răng ít nhất 2 lần mỗi ngày: sau khi ngủ dậy và trước khi đi ngủ
2/ Chăm		Gội đầu đúng cách	**1**	-Hướng dẫn trẻ cách gội đầu sạch sẽ với dầu gội dành riêng cho trẻ, gội 2-3 lần/tuần

sóc diện mạo bên ngoài	**24**	Làm khô tóc sau khi gội	**1**	-Dạy trẻ cách dùng khăn mềm thấm khô tóc nhẹ nhàng để tránh nhiễm lạnh
		Chuẩn bị lược và gương trước khi chải tóc	**1**	-Hướng dẫn trẻ cách chuẩn bị dụng cụ chải tóc
		Cách cầm lược đúng khi chải tóc.	**1**	-Dạy trẻ cách cầm lược chắc chắn, đúng cách để chải tóc
	25	Chải tóc nhẹ nhàng	**1**	- Hướng dẫn trẻ chải tóc xuôi từ đỉnh đầu xuống ngọn tóc một cách nhẹ nhàng để tránh gây đau và gãy tóc
		Cách gỡ bị rối tóc	**1**	-Dạy trẻ cách gỡ rối tóc bị rối từ từ, không kéo mạnh
		Chải tóc hàng ngày	**1**	-Khuyến khích trẻ hình thành thói quen chải tóc mỗi ngày để tóc luôn mượt mà, gọn gàng
		Chải tóc trước khi đi ngủ.	**1**	-Hướng dẫn trẻ chải tóc trước khi ngủ để tránh tóc bị rối vào buổi sáng
	26	Chuẩn bị dây buộc tóc/kẹp tóc	**1**	-Hướng dẫn trẻ chọn và chuẩn bị phụ kiện buộc tóc
		Tự buộc tóc đơn giản	**1**	-Dạy trẻ cách buộc tóc đơn giản như buộc đuôi ngựa thấp hoặc buộc hai bên
		Tạo kiểu tóc gọn gàng khi đi học, ăn uống.	**1**	-Hướng dẫn trẻ buộc tóc gọn gàng khi học bài hoặc ăn uống để tránh vướng víu
		Giới thiệu về việc cắt tóc	**1**	-Giải thích cho trẻ hiểu tại sao cần cắt tóc (để tóc gọn gàng, khỏe mạnh hơn)
	27	Cắt tóc ở tiệm cắt tóc	**1**	-Hướng dẫn trẻ rằng việc cắt tóc thường do người lớn hoặc thợ cắt tóc chuyên nghiệp thực hiện

		Những điều cần tránh khi cắt tóc	**1**	-Nhấn mạnh việc không tự ý cắt tóc hoặc để người không chuyên cắt tóc để tránh làm hỏng kiểu tóc hoặc gây tổn thương da đầu
		Thời điểm thích hợp để cắt tóc	**1**	-Giải thích không nên cắt tóc khi trẻ đang mệt mỏi hoặc mới ốm dậy
		Hướng dẫn cách gấp quần áo và xếp gọn gàng.	1	- Dạy trẻ cách gấp quần, áo và xếp gọn gàng
IV/ Trang phục **1/ Mũ, nón, giày, dép, tất**	**28**	Giới thiệu mũ và nón	**1**	- Học sinh nhận biết các loại mũ, nón khác nhau (mũ lưỡi trai, mũ len, nón rộng vành, mũ bảo hiểm) - Thảo luận về công dụng của từng loại mũ, nón (chống nắng, giữ ấm, bảo vệ đầu)
		Thực hành đội mũ, nón	**1**	- Hướng dẫn học sinh cách đội mũ, nón đúng cách và giữ cho mũ, nón không bị rơi - Tổ chức trò chơi "Ai đội mũ nhanh và đúng"
		Mũ bảo hiểm quan trọng như thế nào?	**1**	- Tìm hiểu về tầm quan trọng của mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông - Thực hành đội mũ bảo hiểm đúng quy cách
		Thực hành gấp quần áo và xấp xếp gọn gàng.	1	-HS tham gia thực hiện có hỗ trợ và HD của GV
	29	Nhận biết các loại giày, dép	**1**	- Học sinh nhận biết các loại giày (giày thể thao, giày búp bê) và dép (dép lê, dép quai hậu) - Tìm hiểu về công dụng của giày, dép (bảo vệ chân, giữ chân sạch sẽ và ấm áp)
		Thực hành mang giày, dép	**1**	- Hướng dẫn học sinh cách mang giày, dép đúng chân (chân trái đi dép trái, chân phải đi dép phải) - Thực hành cởi và mang giày, dép gọn gàng.
		Giữ gìn giày, dép sạch sẽ	**1**	- Thảo luận về cách giữ gìn giày, dép luôn sạch sẽ - Hướng dẫn cách cất giày, dép đúng nơi quy định sau khi sử dụng

		Lựa chọn giày, dép phù hợp	**1**	- Phân biệt các loại giày, dép phù hợp cho các hoạt động khác nhau (đi học, đi chơi, đi thể thao) - Lựa chọn giày, dép có kích cỡ vừa vặn và thoải mái
	30	Giới thiệu tất chân và tất tay	**1**	- Học sinh nhận biết các loại tất chân và tất tay (găng tay) - Thảo luận về công dụng của tất (giữ ấm, bảo vệ da)
		Thực hành đi tất chân	**1**	- Hướng dẫn học sinh cách đi tất chân đúng cách - Thực hành tự đi tất chân
		Thực hành đi tất tay (găng tay)	**1**	- Hướng dẫn học sinh cách đi tất tay (găng tay) đúng cách - Thực hành tự đi găng tay
		Giữ gìn tất sạch sẽ	**1**	- Thảo luận về cách giữ gìn tất luôn sạch sẽ - Hướng dẫn cách giặt và phơi tất đơn giản
	31	Trang phục phù hợp với từng hoạt động	**1**	**-** Tổng hợp kiến thức về mũ, nón, giày, dép, tất để lựa chọn trang phục phù hợp cho các tình huống khác nhau (ví dụ: đi học, đi chơi công viên mùa đông, đi chơi thể thao mùa hè).
		Trò chơi "Thi mặc quần áo nhanh"	**1**	**-** Tổ chức trò chơi để học sinh thực hành phối hợp mặc mũ, nón, giày, dép, tất một cách nhanh và đẹp.
		Tự phục vụ với trang phục	**1**	- Khuyến khích học sinh tự giác chuẩn bị và sắp xếp trang phục cá nhân - Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tự lập trong các hoạt động hàng ngày
		Bảo vệ cơ thể qua trang phục	**1**	**-**Củng cố kiến thức về cách mũ, nón, giày, dép, tất giúp bảo vệ các bộ phận cơ thể (đầu, chân, tay) khỏi các tác động của môi trường.
2/ Quần, áo	**32**	Cởi quần áo	**1**	**-** Giúp trẻ biết cách tự cởi quần áo một cách dễ dàng.
		Cởi áo khoác có khóa kéo	**1**	**-** Hướng dẫn trẻ kéo khóa kéo xuống và rút tay ra khỏi ống tay áo
		Cởi áo chui đầu	**1**	**-** Dạy trẻ cách nâng cổ áo và kéo áo qua đầu, sau đó rút tay ra.

		Cởi quần chun/quần ống rộng	**1**	**-** Hướng dẫn trẻ giữ phần lưng quần và kéo quần xuống, sau đó rút từng chân ra
	33	Cởi quần áo có nút/khuy to	**1**	**-** Dạy trẻ cách tháo các nút hoặc khuy cài to trên quần áo.
		Phân biệt mặt trước, mặt sau và mặt phải, mặt trái của quần áo	**1**	**-** Giúp trẻ nhận biết các nhãn mác hoặc hình họa tiết để phân biệt các mặt của quần áo
		Mặc quần lót và quần chun đơn giản	**1**	**-** Hướng dẫn trẻ cách lộn quần đúng chiều, xỏ chân vào ống quần và kéo quần lên.
		Mặc áo thun/áo chui đầu	**1**	**-** Dạy trẻ cách xác định mặt trước của áo, xỏ đầu và tay vào đúng vị trí, sau đó kéo áo xuống.
	34	Mặc áo khoác có khóa kéo	**1**	**-** Hướng dẫn trẻ cách xỏ tay vào ống tay áo và kéo khóa kéo lên
		Mặc quần áo phù hợp với thời tiết	**1**	**-** Giúp trẻ hiểu việc lựa chọn quần áo dày khi trời lạnh và quần áo mỏng, mát mẻ khi trời nóng
		Mặc quân, áo đơn giản.	**1**	-Dạy trẻ cách xỏ chân vào ống quần, xỏ tay vào tay áo một cách độc lập.
		Gấp áo thun cơ bản	**1**	**-** Hướng dẫn trẻ các bước gấp áo thun để áo gọn gàng
	35	Gấp quần, áo cơ bản	**1**	**-** Dạy trẻ cách gấp quần, áo thành hình chữ nhật gọn gàng
		Xếp quần áo vào ngăn tủ/ngăn kéo	**1**	**-** Hướng dẫn trẻ cách sắp xếp quần áo đã gấp vào tủ hoặc ngăn kéo một cách ngăn nắp
		Phân loại quần áo theo loại/mùa	**1**	**-** Giúp trẻ biết cách phân loại áo, quần, đồ ngủ, đồ mùa hè, đồ mùa đông để dễ tìm kiếm

		Giữ quần áo sạch sẽ và khô ráo	**1**	**-** Dạy trẻ không mặc quần áo ướt hoặc bẩn để tránh bị lạnh hoặc bệnh ngoài da, và biết bỏ quần áo bẩn vào đúng nơi quy định.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN – LỚP 1- SÁCH CÁNH DIỀU

1,MỤC TIÊU:

a/ Hình thành kiến thức toán học ban đầu

- Làm quen với số và phép tính trong phạm vi 100.
- Nhận biết các hình học cơ bản (hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật,...)

b/ **Rèn luyện năng lực toán học**

- Biết đếm, so sánh, sắp xếp thứ tự các số.
- Thực hiện các phép cộng, trừ đơn giản.

c/ **Phát triển phẩm chất và năng lực chung**

- Hình thành thói quen học tập cẩn thận, chính xác, trung thực.
- Biết hợp tác với bạn bè khi làm việc nhóm.

d/ **Ứng dụng thực tiễn**

- Vận dụng toán học vào đời sống hằng ngày (đếm đồ vật, tính toán đơn giản khi mua bán, xem giờ,...).
- Gắn toán học với trải nghiệm, hoạt động trò chơi, tình huống gần gũi với học sinh.

2.NỘI DUNG:

Thời gian	Tên bài học	TLDH	Mục tiêu cần đạt -Lớp 1K1
Tháng 9 **Tuần 1**	Trên - dưới. Phải – trái. Trước - sau. Ở giữa	1 tiết	-Xác định được vị trí: Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa trong tình huống cụ thể có HD của GV. -Bước đầu biết sử dụng các từ ngữ: Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa để mô tả vị trí tương đối rõ các đối tượng cụ thể có HD của GV -Làm BT1 tr 7 có HD của GV
	Hình vuông – Hình Tròn – Hình tam giác – Hình chữ nhật	1 tiết	- Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Gọi tên các hình đó có HD của GV. - Làm BT 2 tr 9 có HD của GV
	Các số 1, 2, 3	1 tiết	- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 3 có HD của GV. - Đọc, tô được các số 1, 2, 3 có HD của GV. - Làm BT 1 tr 11 có HD của GV
Tuần 2	Các số 1,2,3	1 tiết	- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6 theo HD của GV. - Đọc, tô được các số 1, 2, 3 có HD của GV. - Làm BT 1 có HD của GV
	Các số 1,2,3	1 tiết	- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6 có HD của GV. - Đọc, tô được các số 1,2,3 có HD của GV. - Làm BT 2 có HD của GV
	Các 1,2,3	1 tiết	- Đọc, tô số 1,2,3 có HD của GV. - Nhận biết vị trí các số trong dãy các số từ 1,2,3 có HD của GV. - Làm BT 1 có HD của GV

Tuần 3	Các số 4, 5, 6 (T2)	1 tiết	- Ôn cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6 có HD của GV. - Ôn đọc, tô các số 4, 5, 6 có HD của GV. - Làm BT 3 tr 13 có HD của GV
	Các số 4,5,6(T2)	1 tiết	- Ôn cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9 có HD của GV. - Ôn đọc, tô các số 4,5,6, có HD của GV. - Làm BT 3 có HD của GV
	Ôn tập các số 4,5,6 (T2)	1 tiết	- Ôn đọc, tô số 4,5,6, có HD của GV. - Ôn nhận biết vị trí số 5 trong dãy các số từ 1 – 6 có HD của GV. - Làm BT 2 có HD của GV
Tuần 4	Các số 4, 5, 6 (T1)	1 tiết	- Tiếp tục ôn cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6 có HD của GV. - Tiếp tục đọc, tô các số 4, 5, 6 có HD của GV. - Làm BT 4 tr 13 có HD của GV
	Các số 4,5,6(T2)	1 tiết	- Tiếp tục ôn cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6 có HD của GV. - Tiếp tục đọc, tô các số 4,5,6 có HD của GV. - Làm BT 4 có HD của GV
	Số 4,5,6 (T3)	1 tiết	- Tiếp tục đọc, tô số 4,5,6 có HD của GV. - Tiếp tục nhận biết vị trí số 4,5,6 trong dãy các số từ 0 – 6 có HD của GV. - Làm BT 3 có HD của GV
Tháng 10 **Tuần 5**	Số 7	1 tiết	- Đọc, viết được các số 7 - Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7 - Phát triển các NL toán học
	Luyện tập : Số 7 (T1)	1 tiết	- Đọc, viết được các số 7 - Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7 - Phát triển các NL toán học - Làm BT 1,3 tr 20 có hỗ trợ của GV

	Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau	1 tiết	- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật có HD của GV. - Biết sử dụng từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng. - Làm BT 1 tr 23 có HD của GV
Tuần 6	Số 7 (T1)	1 tiết	- Ôn cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 7 có HD của GV. - Tiếp tục đọc, tô, viết số 7có HD của GV. - Ôn nhận biết vị trí số 7 trong dãy các số từ 0 đến 7 có HD của GV
	Số 7 (T2)	1 tiết	- Ôn nhận biết được số lượng trong phạm vi 7 -Ôn đọc, viết các số trong phạm vi 7 - Làm BT 4 có HD của GV
	Số 7(T3)	1 tiết	- Ôn nhận biết được số lượng trong phạm vi 7 -Ôn đọc, viết các số trong phạm vi 7
Tuần 7	Số 8 (T1)	1 tiết	- Ôn tiếp nhận biết được số lượng trong phạm vi 8. -Ôn tiếp đọc, tô các số trong phạm vi 8
	Số 8 (T2)	1 tiết	- Ôn tiếp nhận biết được số lượng trong phạm vi 8 -Ôn tiếp đọc, tô các số trong phạm vi 8
	Số 8 (T3)	1 tiết	- Ôn tiếp nhận biết được số lượng trong phạm vi 8 -Ôn tiếp đọc, tô các số trong phạm vi 8 -
Tuần 8	Số 9 (T1)	1 tiết	- Ôn tiếp nhận biết được số lượng trong phạm vi 9 -Ôn tiếp đọc, tô các số trong phạm vi 9

	Số 9 (T2)	1 tiết	- Ôn tiếp nhận biết được số lượng trong phạm vi 9 - Ôn tiếp đọc, tô các số trong phạm vi 9
	Số 9 (T3)	1 tiết	- Ôn tiếp nhận biết được số lượng trong phạm vi 9 - Ôn tiếp đọc, tô các số trong phạm vi 9
Tháng 11 **Tuần 9**	Số 0	1 tiết	- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng 0 theo HD của GV. Đọc, tô được các số 0 có HD của GV.
	Số o	1 tiết	- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng 0 theo HD của GV. Đọc, tô được các số 0 có HD của GV.
	Số 0	1 tiết	- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng 0 theo HD của GV. Đọc, tô được các số 0 có HD của GV.
Tuần 10	Số 10	1tiết.	- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng 10 theo HD của GV. - Biết được cấu tạo của số 10 - Đọc, tô được các số 10 có HD của GV. T1:- Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT1,3 tr 27,28 có HD của GV
	Số 10	1 tiết.	Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn

			với các biển báo giao thông có HD của GV. - Làm BT1, 4 tr 30 có HD của GV
Tuần 11	Lớn hơn dấu >., Bé hơn, dấu <. Bằng nhau, dấu = (t1)	1 tiết.	So sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và các dấu (>, <, =) để so sánh các số có HD của GV. Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5. Làm BT 4 tr 25 có HD của
	Lớn hơn dấu >., Bé hơn, dấu <. Bằng nhau, dấu = (t2)(	1 tiết.	Ôn sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10 có HD của GV. Làm BT 3,4 tr 26 có HD của GV
	Em vui học toán	1 tiết.	- Biết cách tìm kết quả một số hình ảnh có HD của GV. - Làm BT có HD của GV
Tháng 12 **Tuần 12**	Làm quen với Phép cộng – Dấu cộng	1 tiết.	Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp. Nhận biết cách sử dụng các dấu (+, =) có HD của GV. Làm BT1- SGK có HD của GV
	-Làm quen với Phép cộng – Dấu cộng (tiếp theo)	1 tiết.	- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =) có HD của GV. - Làm BT 2 tr 37 có HD của GV
	Ôn làm quen với Phép cộng – Dấu cộng (tt)	1 tiết.	- Ôn cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6 có HD của GV. - Làm BT 2 tr 39 có HD của GV
	Ôn làm quen với Phép cộng – Dấu cộng (tt)	1 tiết.	- Tiếp tục ôn làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp. Nhận biết cách sử dụng các dấu (+, =) có HD của GV. - Làm BT 3 tr 35 có HD của GV

Tuần 13	Ôn tiếp làm quen với Phép cộng – Dấu cộng (tiếp theo)(t2)	1 tiết.	- Tiếp tục ôn làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =) có HD của GV. - Làm BT 3 tr 37 có HD của GV

	Phép cộng trong phạm vi 6	1 tiết.	- Ôn tiếp cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6 có HD của GV. - Làm BT 3 tr 39 có HD của GV
Tuần 14	Ôn phép cộng trong phạm vi 6(tt)	3 tiết	T1: Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập Bảng cộng 1 trong phạm vi 6 - Làm BT 1 tr 40 có HD của GV T2: Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng 2 trong phạm vi* 6. - Làm BT 2 tr 40 có HD của GV T3: Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng 3,4,5 trong phạm vi* 6. - Làm BT 3 tr 40 có HD của GV
Tuần 15	Luyện tập tr.42	3 tiết	T1: Củng cố bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6 có HD của GV - Làm 3- 6 phép tính của BT 1 tr 42 có HD của GV T2: Củng cố bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6 có HD của GV - Làm 3- 6 phép tính của BT 2 tr 42 có HD của GV T3: Củng cố bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6 có HD của GV - Làm 3- 6 phép tính của BT 3 tr 42 có HD của GV
Tuần 16	Phép cộng trong phạm vi 10	3 tiết	T1: - Biết cách tìm kết quả một T1: Biết cách tìm kết quả một vài phép cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT 1 tr 45 có HD của GV T2: Biết cách tìm kết quả một vài phép cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT 2 tr 45 có HD của GV T3: Biết cách tìm kết quả một vài phép cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT 3 tr 45 có HD của GV

Tháng 1/2026 **Tuần 17**	Luyện tập tr. 46	3 tiết	T1: Làm tính cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT 1 tr 46 có HD của GV T2: Làm tính cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT 2 tr 46 có HD của GV T3: Làm tính cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT 3a tr 47 có HD của GV
Tuần 18	Phép cộng trong phạm vi 10 (tiếp theo)	3 tiết	T1: Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 10 và thành lập Bảng cộng 1 trong phạm vi 10 có HD của GV - Làm BT 1 tr 48 có HD của GV T2: Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 10 và thành lập Bảng cộng 2 trong phạm vi 10 có HD của GV - Làm BT 2 tr 49 có HD của GV T3: Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 10 và thành lập Bảng cộng 3 trong phạm vi 10 có HD của GV - Làm BT 3 tr 49 có HD của GV

HỌC KỲ II

Thời gian	**Tên bài học**	**TLDH**	**Mục tiêu cần đạt -Lớp 1K2**
HKII **Tuần 19**	Luyện tập tr 50	3 tiết	T1: Làm tính cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm 3 đến 6 phép tính trong BT1trang 50 có HD của GV T2: Làm tính cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm 3 đến 6 phép tính trong BT 2 trang 50 có HD của GV T3: Làm tính cộng trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm 2 đến 4 phép tính ở cột 1,3 trong BT 3 trang 50 có HD của GV

Tháng 2 **Tuần 20**	Khối hộp chữ nhật – Khối lập phương	1 tiết	- Biết biểu tượng về khối hộp chữ nhật, khối lập phương theo HD của GV. - Nhận biết được các đồ vật trong thực tế có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương có hỗ trợ của GV - Làm BT 1 tr 52 có HD của GV
	Làm quen với Phép trừ - Dấu trừ	2 tiết	T1: Làm quen với phép trừ qua các tình huống có thao tác bớt, nhận biết cách sử dụng các dấu (-, =) có HD của GV. - Làm BT 1 tr 55 có HD của GV T2: Làm quen với phép trừ qua các tình huống có thao tác bớt, nhận biết cách sử dụng các dấu (-, =) có HD của GV. - Làm BT 2 tr 55 có HD của GV
Tuần 21	Phép trừ trong phạm vi 6	3 tiết	T1: Biết cách tìm kết quả phép trừ trong phạm vi 6 có HD của GV - Làm BT 1 tr 57 có HD của GV T2: Biết cách tìm kết quả phép trừ trong phạm vi 6 có HD của GV - Làm BT 2 tr 57 có HD của GV T3: Biết cách tìm kết quả phép trừ trong phạm vi 6 có HD của GV - Làm BT 3a tr 57 có HD của GV
Tuần 22	Luyện tập tr 58	3 tiết	T1:Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 6 - Làm BT 1 tr 58 có HD của GV T2:Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 6 - Làm BT 2 tr 58 có HD của GV T3: Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 6 - Làm BT 3 tr 58 có HD của GV
Tháng 3	Phép trừ trong phạm vi 6 (tiếp theo)	3 tiết.	T1: Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 - Làm 3 đến 6 phép tính trong BT 1 tr 60 có HD của GV T2: Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6

Tuần 23			- Làm 2 đến 4 phép tính trong BT 2 tr 60 có HD của GV T3: Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 - Làm 3 đến 6 phép tính trong BT 3 tr 60 có HD của GV
Tuần 24	Luyện tập trang 62	3 tiết.	T1:Làm tính trừ trong phạm vi 6 - Làm BT 1 tr 62 có HD của GV T2:Làm tính trừ trong phạm vi 6 - Làm BT 2 tr 62 có HD của GV (tính nhẩm đổi thành tìm kết quả cho mỗi phép tính) T3:Làm tính trừ trong phạm vi 6 - Làm BT 3 tr 62 có HD của GV
Tuần 25	Phép trừ trong phạm vi 10	3 tiết	T1: Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 10. - Làm phép tính 1,2,3 BT 1 tr 65 có HD của GV T2: Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 10. - Làm cột 1,2 BT 2 tr 65 có HD của GV T3: Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 10 có HD của GV. - Làm BT 3 tr 65 có HD của GV
Tuần 26	Luyện tập tr. 66	3 tiết	T1: Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 10 có HD của GV - Làm BT 1 tr 66 có HD của GV T2: Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi10 có HD của GV - Làm BT 2 tr 66 có HD của GV T3: Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 10 có HD của GV - Làm BT 3 tr 66 có HD của GV
Tháng 4 Tuần	Phép trừ trong phạm vi 10 (tiếp theo)	3 tiết	T1: Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 - Làm BT 1 tr 68 có HD của GV T2: Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10

27			- Làm BT 2 tr 69 có HD của GV T1: Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 - Làm BT 3 tr 69 có HD của GV
Tuần 28	Luyện tập tr.70	3 tiết	T1: Củng cố làm tính trừ trong phạm vi 10. - Làm 3 đến 6 phép tính BT 1 tr 70 có HD của GV T2: Củng cố làm tính cộng, tính trừ trong phạm vi 10. - Làm phần a BT 2 tr 70 có HD của GV T3: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10. - Làm 2 đến 4 phép tínhtrong BT3 trang 70 có HD của GV
Tuần 29	Luyện tập tr.72	3 tiết	T1: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm 3 đến 6 phép tính của phần a trong BT 1 tr 72 có HD của GV T2: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm 2 đến 3 phép tính -BT 2 tr 72 có HD của GV T3: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm BT3 tr 72 có HD của GV
Tuần 30	Luyện tập trang 74	3 tiết	T1: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 có HD - Làm phần a và 1 phép tính của phần b BT 1 tr 74 có HD của GV T2: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 có HD - Làm BT 2 tr 76 có HD của GV T3: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 có HD - Làm 2 đến 4 phép tính BT 3 tr 76 có HD của GV.
Tháng 5 **Tuần 31**	Luyện tập chung tr. 76	3 tiết	T1: Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm 8 phép tính ở cột 1,2 của BT 1 tr 76 có HD của GV T2: Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm BT 1 tr 76 có HD của GV

			T3: Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm BT 1 tr 76 có HD của GV
Tuần 32	Em ôn lại những gì đã học	3 tiết	T1: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm BT 1 tr 78 có HD của GV T2: Củng cố làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm BT 2 tr 78 có HD của GV T2: Củng cố nhận biết hình hộp chữ nhật, hình lập phương theo HD của GV - Làm BT 3 tr 78 có HD của GV
Tuần 33	Em ôn lại những gì đã học	2 tiết	T1: Củng cố kĩ năng tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm 6 đến 8 phép tính trong ngôi nhà 1,2 -BT 4 tr 79 có HD của GV T2: Củng cố kĩ năng tính cộng, trừ trong phạm vi 10 - Làm BT 5 tr 79 có HD của GV
	Em vui học toán	1 tiết	- Hát và vận động theo nhịp, chơi trò chơi thông qua đó củng cố kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 10. - BT 1 tr 80 có HD của GV
Tuần 34	Ôn tập	3 tiết	T1:Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết trong phạm vi 10 - Làm BT 1 tr 82 có HD của GV T2:Củng cố kĩ năng so sánh các số trong phạm vi 10 - Làm BT 2 tr 82 có HD của GV T3:Củng cố kĩ năng tính nhẩm các số trong phạm vi 10 - Làm BT 3 tr 83 có HD của GV
Tuần 35	Ôn tập	3 tiết	T1: Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối hộp chữ nhật, khối lập phương - Làm BT 4 tr 83 có HD của GV T2,3: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn

			với thực tế. - Làm BT 4 tr 83 có HD của GV

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TIẾNG VIỆT – LỚP 1- SÁCH CÁNH DIỀU

1/MỤC TIÊU:

a/Hình thành kỹ năng cơ bản về ngôn ngữ

-Học đọc – viết đúng, rõ ràng.
-Luyện nghe, nói, giao tiếp bằng câu đơn giản.
-Làm quen với ngữ âm, chữ cái, tiếng, từ

b/Phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt

-Biết đặt và trả lời câu hỏi đơn giản theo hướng dẫn của GV.
- Hỏi và trả lời ngắn gọn qua tranh, truyện theo hướng dẫn.

c/Bồi dưỡng phẩm chất, tình cảm và thói quen học tập

-Hình thành tình yêu tiếng Việt .
-Bồi dưỡng sự mạnh dạn giao tiếp.
-Giáo dục tình yêu quê hương, gia đình, bạn bè qua các văn bản của bài học.
*Tóm lại: **Tiếng Việt lớp 1 giúp học sinh biết đọc, viết, nghe, nói; phát triển vốn ngôn ngữ và rèn kỹ năng giao tiếp trong học tập và đời sống.**

2.NỘI DUNG: **HỌC KỲ I**

Thời gian	**Bài/chủ đề**	**TLDH**	**Mục tiêu cần đạt - Lớp 1K1**
Tuần 1	Bài mở đầu : Em là học sinh (tiết 1)	1 tiết	- Làm quen với thầy cô và bạn bè: Giới thiệu tên bản thân, tên lớp , tên cô giáo theo hướng dẫn của GV(SGK trang 4)
	Bài mở đầu : Em là học sinh (tiết 2)	1 tiết	-Làm quen với những hoạt động học tập của HS lớp 1: đọc, viết, đứng nói theo hướng dẫn của GV (SGK trang 4)
	Bài 1: a,c (tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các âm và chữ cái **a, c** (BT 1 trang 6 SGK). Đánh vần tiếng có mô hình "âm đầu + âm chính": **ca** có hướng dẫn của GV(BT 2 trang 6

			SGK)
	Tập viết sau bài 1(tiết 1)	1 tiết	- Tô chữ **a, c** chữ thường cỡ vừa trong vở *Luyện viết* 1 trang 5, tập một theo hướng dẫn của GV **.**
	Bài 2: cà, cá (tiết 1)	1 tiết	-Nhận biết thanh huyền (dấu huyền), thanh sắc(dấu sắc) theo hướng dẫn của GV. -Đánh vần tiếng cà, cá theo mô hình "âm đầu + âm chính + thanh" theo hướng dẫn của GV(BT 1,2 trang 8 SGK)
	Tập viết sau bài 1(tiết 2)	1 tiết	-Tô tiếng **ca** chữ thường cỡ vừa trong vở *Luyện viết 1,* tập một trang 5 có hướng dẫn của GV.
	Bài 3:Kể chuyện Hai con dê (tiết1)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nhận biết hai nhân vật dê đen, dê trắng, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 1,2 SGK trang 10 theo hướng dẫn của GV
Tuần 2	Bài 4: o, ô (T1)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ cái o, ô. Đánh vần tiếng với mô hình "âm đầu + âm chính" theo hướng dẫn của GV(BT1 tr12 SGK).
	Bài 5: cỏ, cọ (T1)	1 tiết	- Nhận biết thanh hỏi và dấu hỏi, thanh nặng và dấu nặng theo hướng dẫn của GV. -Đánh vần tiếng cỏ, cọ theo mô hình "âm đầu + âm chính + thanh" có HD của GV(BT1 tr14 SGK)
	Tập viết sau bài 4	1 tiết	- Tô, viết âm o, ô, tiếng co chữ thường cỡ vừa trong vở *Luyện viết 1*, tập

			một trang 7 theo hướng dẫn của GV.
	Bài 6: ơ, d (T1)	1 tiết	- Nhận biết các âm và chữ cái **ơ, d.** Đánh vần tiếng **cờ, da** theo mô hình " âm đầu + âm chính + thanh " có hướng dẫn của GV(BT1 tr16 SGK).
	Bài 7: đ, e (T1)	1 tiết	- Nhận biết các âm và chữ cái đ, e. Đánh vần đúng tiếng đe theo mô hình "âm đầu + âm chính + thanh" theo hướng dẫn của GV(BT1 tr18 SGK)
	Tập viết sau bài 5	1 tiết	- Tô, viết tiếng cỏ, cổ, cọ cộ chữ thường cỡ vừa kiểu đều nét theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập 1 tr 7 theo HD cảu GV.
	Bài 8:Kể chuyện Chồn con đi học (T1)	1 tiết	- Nghe GV kể chuyện - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 1,2 SGK tr 20 theo hướng dẫn của GV
Tuần 3	Bài 4: o, ô (T2)	1 tiết	-Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm tiếng có âm o theo HD của của GV (BT2 tr12 SGK).
	Bài 5: cỏ, cọ (T2)	1 tiết	- Nhìn hình minh họa, phát âm tiếng có thanh hỏi theo HD của GV(BT2 tr14 SGK)
	Tập viết sau bài 6 (T1)	1 tiết	- Tô, viết âm ơ và tiếng cờ chữ thường cỡ vừa theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập 1 tr 8 theo hướng dẫn của GV.
	Bài 6: ơ, d (T2)	1 tiết	- Nhìn tranh, ảnh minh hoạ, phát âm tiếng có âm **ơ** theo hướng dẫn của GV (BT2 tr16 SGK).
	Bài 7: đ, e (T2)	1 tiết	- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm tiếng có âm đ theo hướng dẫn của GV(BT2 tr18 SGK).
	Tập viết sau bài 6 (T2)	1 tiết	-Tô, viết âm d và tiếng da chữ thường cỡ vừa kiểu đều nét theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập 1 trang 8 có HD cảu GV
	Bài 8:Kể chuyện Chồn con đi học (T2)	1 tiết	2 Nghe GV kể chuyện. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK tr 20 theo hướng dẫn của GV

Tuần 4	Bài 4: o, ô (T3)	1 tiết	- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm tiếng có âm ô theo HD của của GV (BT 3 tr13 SGK).
	Bài 5: cỏ, cọ (T3)	1 tiết	- Nhìn hình minh họa, phát âm tiếng có thanh thanh nặng theo HD của GV(BT3 tr15 SGK)
	Tập viết sau bài 7(T1)	1 tiết	- Tô, viết âm và tiếng đe chữ thường cỡ vừa kiểu đều nét theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập 1 tr 8 theo hướng dẫn của GV.
	Bài 6: ơ, d (T3)	1 tiết	- Nhìn tranh, ảnh minh hoạ, phát âm tiếng có âm **d** theo hướng dẫn của GV (BT3 tr17 SGK).
	Bài 7: đ, e (T3)	1 tiết	- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm tiếng có âm e theo hướng dẫn của GV(BT3 tr19 SGK).
	Tập viết sau bài7 (T2)	1 tiết	- Tô, viết âm đ và tiếng đe chữ thường cỡ vừa kiểu đều nét theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập 1 trang 8 có HD cảu GV
	Bài 8: Kể chuyện Chồn con đi học (T3)	1 tiết	2 Nghe GV kể chuyện Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 1,2 SGK tr 20 theo hướng dẫn của GV
Tuần 5	Bài 10 : b,bê (T1)		-Nhận biết các âm và chữ cái ê, l ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng lê theo mô hình "âm đầu + âm chính" có HD của GV(BT1 tr 22 SGK)
	Bài 11: b, bễ (T1)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ cái b; nhận biết thanh ngã, dấu ngã; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng bê, bễ theo mô hình "âm đầu + âm chính + thanh" theo HD của GV(BT1 tr 24 SGK)
	Tập viết sau bài 10 (T1)	1 tiết	-Tô, viết chữ ê, tiếng lê chữ thường cỡ vừa, nét đều theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập 1 trang 9 theo hướng dẫn của GV.
	Bài 12: b, bễ(T1)	1tiết	-Nhận biết các âm và chữ cái b; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng ga theo

			mô hình "âm đầu + âm chính"; theo HD của GV
	Bài: b, bễ	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ b, đánh vần, đọc đúng tiếng bễ với mô hình "âm đầu + âm chính", theo HD của GV
	Tập viết b, bễ (T2)	1 tiết	-Tô, viết chữ b, tiếng bê chữ thường cỡ vừa, nét đều theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập 1 theo hướng dẫn của GV.
	Kể chuyện Hai chú gà con (tiết 1)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 1, 2 tr 30 - SGK.
Tuần 6	Bài: h (T2)	1 tiết	- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm tiếng có âm h theo HD của GV. (BT2 tr22 SGK)
	Bài: h (T2)	1 tiết	- Nhìn hình, phát âm tiếng có âm h theo HD của GV(BT2tr24 - SGK).
	Tập viết h (T1)	1 tiết	-Tô, viết chữ h theo HD của GV.
	Bài: i(T1)	1tiết	- Nhìn hình, phát âm tiếng có âm h theo HD của GV(BT2 tr 24 SGK)
	Bài i (T2)	1 tiết	- Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm tiếng có âm h theo HD của GV(BT2 tr 28 SGK)
	Tập viết I (T2)	1 tiết	-Tô, viết chữ h chữ thường, cỡ vừa , đều nét trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 9 theo HD của GV.
	Kể chuyện Hai chú gà con (tiết 2)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 3,4 tr 30 - SGK.
Tuần 7	Bài l (T4)	1 tiết	- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm tiếng có âm l theo HD của GV. (BT2 tr22 SGK)
	Bài 1a (T1)	1 tiết	- Nhìn hình, phát âm tiếng có thanh ngã theo HD của GV(BT3 tr25 -

			SGK).
	Tập viết ia	1 tiết	-Tô, viết chữ g, h và tiếng ga, hồ chữ thường, cỡ vừa , đều nét trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 10 theo HD của GV.
	Bài ia (T3)	1tiết	- Nhìn hình, phát âm tiếng có âm h theo HD của GV(BT2 tr 24 SGK)
	Bài ia (T4)	1 tiết	- Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm tiếng có âm ia theo HD của GV(BT2 tr 28 SGK)
	Tập viết ia	1 tiết	-Tô, viết chữ i, ia và tiếng bia chữ thường, cỡ vừa, đều nét trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 10 theo HD của GV.
	Kể chuyện Hai chú gà con (tiết 3)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 5,6 tr 30 - SGK.
TUẦN 8	Bài Ôn tập (T1)	1tiết	- Nhận biết âm, chữ gh (BT1 tr 32 -SGK). Đánh vần, đọc tiếng có gh theo HD của GV(BT1 tr 32 -SGK).
	Bài: Ôn tập (T2)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ gi, k. Đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm đầu gi / k+ âm chính+ thanh theo HD của GV (BT1tr34 -SGK)
	Tập viết sau bài Ôn tập	1 tiết	- Tô, viết chữ gh, tiếng ghế gỗ vở *Luyện viết 1*, tập một trang 11 theo HD của GV
	Bài gh (T1)	1 tiết	-Nhận biết âm, chữ kh, m. Đánh vần, đọc tiếng có kh, m theo HD của GV (BT1tr36 -SGK).
	Bài gh(T2)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ n, nh. Đánh vần, đọc tiếng có n, nh theo HD của GV (BT1 tr 38 SGK).
	Tập viết gh	1 tiết	- Tô, viết chữ gi, k và tiếng giá đỗ, kỳ đà vào vở *Luyện viết 1*, tập một trang 11 theo HD của GV
	Bài gh(T4)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 1,2 trang 40

			SGK theo HD của GV.
TUẦN 9	Bài: gi (T1)	1tiết	- Nhìn chữ dưới tranh đọc tiếng có g theo HD của GV(BT2 tr 32-SGK).Nắm được quy tắc chính tả: Gờ đơn (g) không đứng trước âm e, ê, i mà đứng trước các âm còn lại (a, o, ô, ơ,...)
	Bài: gi, (T2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm gi theo HD của GV (BT2 tr 34- SGK).
	Tập viết sau bài 17(T3)	1 tiết	- Tô, viết chữ kh, tiếng khế trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 12 theo HD của GV
	Bài: gi, (T4)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, đọc tiếng có gi theo HD của GV
	Bài : k(T1)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có k theo HD của GV(
	Tập viết k (T2)	1 tiết	- Tô, viết chữ n, tiếng nơ, vào vở *Luyện viết 1*, tập một trang 12 theo HD của GV
	Bài : Âm k(T3)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 3,4 trang 40 SGK theo HD của GV.
TUẦN 10	Bài 16: k(T4)	1tiết	- Nhìn chữ dưới tranh đọc tiếng có k theo HD của GV
	Bài : kh (T1)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm kh theo HD của GV (BT2 tr 34- SGK).
	Bài : kh (T2)	1 tiết	- Tô, viết chữ kh tiếng me trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 12 theo HD của GV
	Bài: kh(T3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, đọc tiếng có âm kh theo HD của GV(BT2 tr36-

			SGK).
	Bài: kh(T4)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm kh theo HD của GV(BT2 tr 38 SGK).
	Bài: m(T1)	1 tiết	- Tô, viết chữ m tiếng trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 12 theo HD của GV
	Bài: m(T2)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 5,6 trang 40- SGK theo HD của GV.
TUẦN 11	Bài: m(T3)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ m đánh vần, đọc tiếng có m theo HD của GV
	Bài: m(T4)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ m đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có m theo HD của GV m
	Bài: n (T1)	1tiết	- Nhìn chữ dưới tranh đọc tiếng có n theo HD của GV
	Bài: n (T2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm n theo HD của GV (BT2 tr 34- SGK).
	Tập viết n(T3)	1 tiết	- Tô, viết chữ n, tiếng khế trong vở *Luyện viết*, tập một trang 12 theo HD của GV
	Bài: n (T4)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, đọc tiếng có n theo HD của GV
TUẦN 12	Bài: nh (T1)	1tiết	- Nhìn chữ dưới tranh đọc tiếng có nh theo HD của GV
	Bài: nh (T2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm nh theo HD của GV (BT2 tr 34- SGK).
	Tập viết nh(T3)	1 tiết	- Tô, viết chữ nh, tiếng nho trong vở *Luyện viết*, tập một trang theo HD của GV

	Bài: nh (T4)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, đọc tiếng có n theo HD của GV
	Bài : Ôn tập (T1)	1tiết	- Nhận biết âm, chữ nh (BT1 tr 38 -SGK). Đánh vần, đọc tiếng có gh theo HD của GV(BT1 tr 38 -SGK).
	Bài: Ôn tập (T2)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ n ,nh,gi,k Đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm đầu gi/ k+ âm chính+ thanh theo HD của GV (BT1tr38 -SGK)
	Tập viết sau bài Ôn tập	1 tiết	- Tô, viết chữ n , nh, gi, k, tiếng bé kể vở *Luyện viết 1*, tập một trang 11 theo HD của GV
Tuần 13	- Bài 22: ng, (T2)	- 1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm ng theo HD của GV(BT2 tr 42 SGK)
	- Bài 22: ng, (T3)	- 1 tiết	- Nắm được quy tắc chính tả: ng đứng trước âm a, o, ông không đứng - trước âm e,ê ,i mà đứng trước các âm còn lại: ,..e, ê, i;
	- Bài 22: ng, (T4)	- 1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm ng theo HD của GV(BT2 tr 42 - SGK).
	- Bài 22: ngh(T1)	- 1 tiết	- -Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm ngh theo HD của GV(BT2 tr 42 SGK)
	- Bài 22: ngh(T2)	- 1 tiết	- Nắm được quy tắc chính tả: ngh đứng trước âm e, ê, i; ngh không đứng - trước âm e,ê ,i mà đứng trước các âm còn lại: a, o, ô,..
	- Bài 22: ngh (T3)	- 1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm ng theo HD của GV(BT2 tr 42 - SGK).
	- Bài 22: ngh (T4)	- 1 tiết	- Tô, viết chữ ngh tiếng nghé vở *Luyện viết 1*, tập một trang 43 theo HD của GV
Tuần 14	- Bài 24: qu (T1)	- 1 tiết	- Nhận biết âm và chữ qu, đánh vần, đọc đúng tiếng có qu, theo HD - của GV (BT1 tr 46 SGK).
	- Bài 24: qu, (T2)	- 1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm qu theo HD của GV(BT2 tr 46 - SGK).
	- Bài 24: qu, (T3)	- 1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm qu theo HD của GV(BT2 tr 46 - SGK).
	- Tập viết sau bài 23.	- 1 tiết	- - Tô, viết chữ q vở *Luyện viết 1*, tập một trang 47 theo HD của GV

	- Bài 24: r (T1)	- - 1 tiết	- Nhận biết âm và chữ qu, đánh vần, đọc đúng tiếng có r theo HD - của GV (BT1 tr 46 SGK).
	- Bài 24: r (T2)	- 1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm r theo HD của GV(BT2 tr 46 - SGK).
	- Bài 24: r (T3)	- 1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm r theo HD của GV(BT2 tr 46 - SGK).
Tuần 15	Tập viết sau bài 24	1 tiết	- Tô, viết chữ qu, r trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 14 theo HD của GV

	Tập viết sau bài 24	1 tiết	- Tô, viết chữ qu, r trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 14 theo HD của GV
	Bài 25: s (T1)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm s theo HD của GV(BT2 tr 46 SGK).
	Bài 25: s (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm s theo HD của GV(BT2 tr 46 SGK).
	Tập viết sau bài 25(T3)	1 tiết	- Tô, viết chữ s,x trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 14 theo HD của GV
	Bài 25: s, (T4)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm s theo HD của GV(BT2 tr 46 SGK).
	Bài 25: s (T1)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm s theo HD của GV(BT2 tr 46 SGK).
	Bài 25: s (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm s theo HD của GV(BT2 tr 46 - SGK).
Tuần 16	Bài 25: x(T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm x theo HD của GV(BT2 tr 46 SGK).
	Bài 26: Kể chuyện Kiến và bồ câu(t1)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời lại câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 50 theo HD của GV.
	Bài 26: Kể chuyện Kiến và bồ câu(t2)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời lại câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 50 theo HD của GV.
	Bài 24: r(T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm r theo HD của GV(BT2 tr 46 SGK).

	Ôn bài 32: Kể chuyện Dê con nghe lời mẹ (tiết1)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 60 theo HD của GV.
	Ôn bài 32: Kể chuyện Dê con nghe lời mẹ (tiết 2)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 60 theo HD của GV.
	Ôn bài 32: Kể chuyện Dê con nghe lời mẹ (tiết 3)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 60 theo HD của GV.
TUẦN 17	Bài 28: t, (T1)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ t, đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có t, th theo HD của GV(BT1 tr 52 SGK).
	Bài 28: t (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm t theo HD của GV(BT2 tr 46 SGK).
	Bài 28: t, (T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm t theo HD của GV(BT2 tr 52 SGK).
	Tập viết sau bài 28(T4)	1 tiết	- Tô, viết chữ t, và tô tiếng tổ, trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 15 theo HD của GV
	Bài 28: th(T1)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ th; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có t, th theo HD của GV(BT1 tr 52 SGK).
	Bài 28: th (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm th theo HD của GV(BT2 tr 52 SGK).
	Tập viết sau bài 28	1 tiết	- Tô, viết chữ th và tô tiếng thỏ trong vở *luyện viết 1*, tập một trang - 15 theo HD của GV
TUẦN 18 tr, ch,	Bài 29: tr(T1)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ tr đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có tr, ch theo HD của GV (BT1 tr 54 SGK).

	Bài 29: tr, (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm tr theo HD của GV(BT2 tr 54 SGK).
	Bài 29: tr (T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm tr theo HD của GV(BT2 tr 54 SGK).
	Tập viết sau bài 29	1 tiết	- Tô, viết chữ tr, và tô tiếng tre, trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 54 theo HD của GV
	Bài 29: ch(T1)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ ch đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có ch theo HD của GV (BT1 tr 54 SGK).
	Bài 29: ch (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có âm ch theo HD của GV(BT2 tr 54 SGK).
	Bài 29: ch (T3)	1 tiết	- Tô, viết chữ tr, và tô tiếng tre, trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 54 theo HD của GV

Tuần 19	Bài 20: u(T1)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ u đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có u theo HD của GV (BT1 tr 56 SGK).
	Bài 30: u(T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có u theo HD của GV(BT2 tr 56 SGK).
	Bài 30: u, (T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có u theo HD của GV(BT2 tr 56 SGK).
	Tập viết sau bài 30(T4)	1 tiết	- Tô, viết chữ u và tô từ tủv ở *Luyện viết 1*, tập một trang 56 theo HD của GV
	Bài30: ư(T1)	1 tiết	- Nhận biết âm và chữ u đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có u theo HD của GV (BT1 tr 56 SGK).
	Bài 30: u, (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có u theo HD của GV(BT2 tr 56 - SGK).
	Tập viết sau bài 30 (T3)	1 tiết	- Tô, viết chữ u, ư và tô từ *tủ, sư tử* trong vở *Luyện viết 1*, tập một trang 16 theo HD của GV
TUẦN 20	Bài 31: ua, (T1)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ ua, đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có vần ua, ưa theo HD của GV (BT1 tr 56 SGK).
	Bài 31: ua(T2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có vần ua theo HD của GV(BT2 tr 56 SGK).
	Bài 31: ua, (T3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có vần ua theo HD của GV(BT2 tr 57 SGK).
	Tập viết sau bài 31(T4)	1 tiết	- Tô, viết chữ ua, và tô từ cua, trong vở *Luyện viết 1*, tập một Trang 57 theo HD của GV

	Bài 31: ưa (T1)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ ưa; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có vần ua, ưa theo HD của GV (BT1 tr 57 SGK).
	Bài 31: ưa(T2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có vần ưa theo HD của GV(BT2 tr 56 SGK).
	Bài 31: ưa(T3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới tranh, chỉ, đọc tiếng có vần ưa theo HD của GV(BT2 tr 58 SGK).

TUẦN 21	Bài 34: v (T1)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ v, đánh vần, đọc tiếng có v, theo HD của GV (BT1 tr 62 SGK).
	Bài 34: v(t2)	1 tiết	- Nhìn chữ, đọc từ có âm v nối từ ngữ đó với hình theo HD của GV (BT2
	Bài 34: v, (T3)	1 tiết	- Nhìn chữ, đọc từ có âm V, nối từ ngữ đó với hình theo HD của GV (BT2 tr 62 SGK).
	Tập viết sau bài 34 (tiết4)	1 tiết	-Tô, viết các chữ vtô từ ve; vào vở luyện viết 1, tập 1 trang 17 có hỗ trợ của GV.
	Bài 34: y(T1)	1 tiết	-Nhận biết âm và chữ y; đánh vần, đọc tiếng có y theo HD của GV (BT1 tr 62 SGK).
	Bài 34:y (t2)	1 tiết	- Nhìn chữ, đọc từ có âmY nối từ ngữ đó với hình theo HD của GV (BT2
	Bài 34: y(T3)	1 tiết	- Nhìn chữ, đọc từ có âm y, nối từ ngữ đó với hình theo HD của GV - (BT2 tr 62 SGK).
TUẦN 22			

	Bài 36: am(T1)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần am theo HD của GV (BT3 tr 66 SGK).
	Bài 37: am (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần am theo HD của GV (BT2 tr 68 SGK).
	Bài 36: am, (T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ap theo HD của GV (BT3 tr 66 SGK).
	Tập viết vần am (tiết4)	1 tiết	-Tô, viết các vần am, cam vào vở luyện viết 1, tập1 trang 18 có hỗ trợ của GV.
	Bài 36: ap(T1)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần am theo HD của GV (BT3 tr 66 SGK).
	Bài 36: ap(T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ap theo HD của GV (BT2 tr 68 SGK).
	Bài 36: ap(T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ap theo HD của GV (BT3 tr 66 - SGK).
TUẦN 23	Bài 36: ăm(T1)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ăm theo HD của GV (BT3 tr 66 SGK).
	Bài 37: ăm (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ăm theo HD của GV (BT2 tr 68 SGK).
	Bài 37: ăm(T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ămtheo HD của GV (BT3 tr 66 SGK).
	Tập viết sau bài 37 (tiết 4)	1 tiết	-Tô, viết các vần ăm ; tô từ chăm chỉ, vào vở luyện viết 1, tập 1 trang 18 có hỗ trợ của GV.

	Bài 36: ăp(T1)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ăp theo HD của GV (BT3 tr 66 SGK).
	Bài 37: ăp (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ăp theo HD của GV (BT2 tr 68 SGK).
	Bài 37: ăp(T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc từ có vần ăp theo HD của GV (BT3 tr 66 - SGK).
TUẦN 24	Bài 40: **âm, âp** (T1)	1 tiết	-Nhận biết các vần âm, vần âp; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần âm, vần âp theo HD của GV (BT1 tr 72 SGK)
	Bài 41. **em, ep**(T1)	1 tiết	-Nhận biết các vần em, vần ep; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần em, vần ep theo HD của GV (BT1 tr 74 SGK).
	Tập viết sau bài 40	1 tiết	-Tô, viết âm, âp, củ sâm, cá mập (trang 19 vở luyện viết 1, tập 1) theo HD và hỗ trợ của GV.
	Bài 42: **êm, êp**(T1)	1 tiết	-Nhận biết các vần êm, êp; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần êm, êp theo HD của GV (BT1 tr 76 SGK).
	Bài 43: **im, ip** (T1)	1 tiết	- Nhận biết các vần im, ip; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần im, ip theo HD của GV (BT1 tr 78 SGK).
	Tập viết sau bài 41	1 tiết	-Tô, viết em, ep, kem, dép (trang 19 vở luyện viết 1, tập 1) theo HD và hỗ trợ của GV.
	Bài 44: Kể chuyện Ba chú lợn con(T1)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 1,2 SGK trang 80 theo HD và hỗ trợ của GV.
TUẦN 25	Bài 40: **âm, âp** (T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần âm theo HD của GV (BT2 tr 72 SGK).

	Bài 41. **em, ep**(T2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần em theo HD của GV (BT2 tr 74 SGK).
	Tập viết sau bài 42	1 tiết	- Tô, viết vần êm, êp và tô từ đêm, bếp lửa trang 20 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD và hỗ trợ của GV.
	Bài 42: **êm, êp**(T2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần êm theo HD của GV (BT2 tr 76 SGK).
	Bài 43: **im, ip** (T2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần im theo HD của GV (BT2 tr 78 SGK).
	Tập viết sau bài 43	1 tiết	- Tô, viết vần **im, ip** và tô từ **bim bịp** trang 20 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD và hỗ trợ của GV.
	Bài 44. Kể chuyện Ba chú lợn con (T2)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 80 theo HD và hỗ trợ của GV.
TUẦN 26	Bài 40: **âm, âp** (T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần âp theo HD của GV (BT2 tr 72 SGK).
	Bài 41. **em, ep**(T3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ep theo HD của GV (BT2 tr 74 SGK).
	Tập viết sau bài 42 (tt)	1 tiết	- Tô, viết vần êm, êp, đêm, bếp lửa (trang 20 vở luyện viết 1, tập 1) theo HD và hỗ trợ của GV.
	Bài 42: **êm, êp**(T)3	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần êp theo HD của GV (BT2 tr 76 SGK).
	Bài 43: **im, ip** (T3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ip theo HD của GV (BT2 tr 78 SGK).
	Tập viết sau bài 43 (tt)	1 tiết	- Tô, viết vần êm, êp, đêm, bếp lửa (trang 20 vở luyện viết 1, tập 1) theo HD và hỗ trợ của GV.

	Bài 44: Kể chuyện Ba chú lợn con (Tiết 3)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 5,6 SGK trang 80 theo HD và hỗ trợ của GV.
TUẦN 27	- Bài 46: iêm, yêm, iêp (tiết 1)	- 1 tiết	-Nhận biết các vần iêm, yêm, iêp; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần - im, ip theo HD của GV (BT1 tr 82 SGK).
	- Bài 47: om, op (tiết 1)	- 1 tiết	- Nhận biết các vần om, op; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần om, op - theo HD của GV (BT1 tr 84 SGK).
	- Tập viết sau bài 48	- 1 tiết	-Tô, viết vần iêm, yêm, iêp; tô tiếng thiếp, diêm, yếm trang 21 vở luyện - viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	- Bài 48: ôm, ôp (tiết 1)	- 1 tiết	- Nhận biết các vần ôm, ôp; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ôm, ôp - theo HD của GV (BT1 tr 86 SGK).
	- Bài 49: ơm, ơp (tiết1)	- 1 tiết	- Nhận biết các vần ơm, ơp; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ơm, ơp - theo HD của GV (BT1 tr 88 SGK).
	- Tập viết sau bài 49	- 1 tiết	-Tô, viết vần om, op và tô từ đom đóm, họp tổ trang 21 vở luyện viết 1, - tập 1 theo HD của GV.
	- Bài 50: Kể chuyện Vịt và sơn ca (tiết 1)	- 1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe câu hỏi, câu trả lời dưới tranh 1,2 SGK trang 90 theo giáo viên.
TUẦN 28	Bài 46: iêm, yêm, iêp (tiết 2)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần iêm, yêm theo HD của GV (BT2 tr 82 SGK).
	Bài 47: om, op (tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần om theo HD của GV (BT2 tr 84 SGK).
	Tập viết sau bài 48	1 tiết	-Tô, viết vần ôm, ôp và tô từ tôm, hộp sữa trang 22 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.

	Bài 48: ôm, ôp (tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ôm theo HD của GV (BT2 tr 86 SGK).
	Bài 49: ơm, ơp (tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ơm theo HD của GV (BT2 tr 88 SGK).
	Tập viết sau bài 49	1 tiết	-Tô, viết vần ơm, ơp và tô từ cơm, tia chớp trang 22 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 50: Kể chuyện Vịt và sơn ca (tiết 2)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 90 theo HD của GV.
TUẦN 29	Bài 46: iêm, yêm, iêp (tiết 3)	1 tiết	-Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần iêp theo HD của GV (BT2 tr 82 SGK).
	Bài 47: om, op (tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần op theo HD của GV (BT2 tr 84 SGK).
	Tập viết sau bài 48(tiết 2)	1 tiết	-Tô, viết tiếp vần ôm, ôp và tô tiếp từ tôm, hộp sữa trang 22 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 48: ôm, ôp (tiết 3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ôp theo HD của GV (BT2 tr 86 SGK).
	Bài 49: ơm, ơp (tiết 3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ơp theo HD của GV (BT2 tr 88 SGK).
	Tập viết sau bài 49(tt)	1 tiết	-Tô, viết tiếp vần ơm, ơp và tô tiếp từ cơm, tia chớp trang 22 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 50: Kể chuyện Vịt và sơn ca (tiết 3)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 5,6 SGK trang 90 theo HD của GV.

TUẦN 30	Bài 52: um, up (Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần um, up; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần um, up theo HD của GV (BT1 tr 96 SGK).
	Bài 53: uôm (Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần uôm; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uôm theo HD của GV (BT1 tr 98 SGK).
	Tập viết sau bài 52	1 tiết	-Tô, viết um, up, tô chum, búp bê vào trang 24 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 54: ươm, ươp (Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần ươm, vần ươp, đọc đúng tiếng có các vần ươm, vần ươp theo HD của GV (BT1 tr 100 SGK).
	Bài 55: an, at(Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần an, at; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần an, at theo HD của GV (BT1 tr 102 SGK).
	Tập viết sau bài 53	1 tiết	-Tô, viết uôm, tô buồm, quả muỗm vào trang 24 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 56: Kể chuyện Sói và Sóc (tiết 1)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi dưới tranh 1,2 SGK trang 104 theo GV.
TUẦN 31	Bài 52 :um, up (tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần um theo HD của GV (BT2 tr 96 SGK).
	Bài 53: uôm (tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần uôm theo HD của GV (BT2 tr 98 SGK).
	Tập viết tiếp sau bài 54	1 tiết	-Tô, viết ươm, ươp và tô bướm, mướp vào trang 25 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 54: ươm, ươp(tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ươm theo HD của GV (BT2 tr 100 SGK).
	Bài 55: an, at (tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần an theo HD của GV (BT2 tr 102 SGK).

	Tập viết sau bài 55	1 tiết	-Tô, viết vần an, at và tô từ bàn, nhà hát trang 25 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 56. Kể chuyện Sói và Sóc (tiết 2)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi tranh 3-SGK trang 104 theo GV.
TUẦN 32	Bài 52 :um, up (tiết 3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần up theo HD của GV (BT2 tr 96 SGK).
	Bài 53: uôm (tiết 3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, tiếp tục đọc đúng tiếng có vần uôm theo HD của GV (BT2 tr 98 SGK).
	Tập viết tiếp sau bài 54(tt)	1 tiết	-Tô, viết ươm, ươp, bướm vào trang 25 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 54: ươm, ươp (tiết 3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ươp theo HD của GV (BT2 tr 100 SGK).
	Bài 55: an, at (tiết 3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần at theo HD của GV (BT2 tr 102 SGK).
	Tập viết sau bài 55(tt)	1 tiết	-Tô, viết an, at, bàn trang 25 vở luyện viết 1, tập 1 theo HD của GV.
	Bài 56. Kể chuyện Sói và Sóc (tiết 3)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời câu hỏi tranh 4 -SGK trang 104 theo GV.
Tuần 33	Bài 58: ăn, ăt (Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần ăn, ăt; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ăn, ăt theo HD của GV (BT1 tr 106 SGK)
	Bài 59: ân, ât (Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần ân, ât; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ăn, ăt theo HD của GV (BT1 tr 108 SGK).
	Tập viết sau bài 58 (tiết 1)	1 tiết	-Tập tô,viết vần ăn, ăt, tô tiếng chăm, mắt vào vở luyện viết 1, tập 1 trang

			26 theo HD của GV.
	Bài 60: en, et (Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần en, et; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ăn, ăt theo HD của GV (BT1 tr 110 SGK).
	Bài 61: ên, êt (Tiết 1)	1 tiết	- Nhận biết các vần ên, êt; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ên, êt theo HD của GV (BT1 tr 112 SGK).
	Tập viết sau bài 58 (Tiết 2)	1 tiết	-Tập tô,viết tiếng chăm, mắt vào vở luyện viết 1, tập 1 trang 26 theo HD của GV.
	Bài 62: Kể chuyện Sư Tử và Chuột Nhắt (Tiết 1)	1 tiết	- Nghe GV kể câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 1,2 SGK trang 114 theo HD của GV.
TUẦN 34	Bài 58: ăn, ăt (Tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ăn theo HD của GV (BT2 tr 106 SGK).
	Bài 59: ân, ât (Tiết 2)	1 tiết	-Nhìn chữ, hoàn thành trò chơi: sút bóng vào khung thành có vần ân (BT2 tr 108 SGK).
	Tập viết sau bài 59 (Tiết 1)	1 tiết	-Tập tô, viết vần ân, ât vào vở luyện viết 1, tập 1 trang 26 theo HD của GV.
	Bài 60: en, et (Tiết 2)	1 tiết	- Tham gia trò chơi xếp trứng vào rổ có vần en theo HD của GV (BT2 tr 110 SGK).
	Bài 61: ên, êt (Tiết 2)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, tìm tiếng có vần ên theo HD của GV (BT2 tr 112 SGK).
	Tập viết sau bài 59 (Tiết2)	1 tiết	-Tập tô, viết tiếng cân, vật vào vở luyện viết 1, tập 1 trang 26 theo HD của GV.
	Bài 62: Kể chuyện Sư Tử và Chuột Nhắt (Tiết 2)	1 tiết	- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 3,4 SGK trang 114 theo HD của GV.

TUẦN 35	Bài 58: ăn, ăt (Tiết 3)	1 tiết	- Nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần ăt theo HD của GV (BT2 tr 106 SGK).
	Bài 59 :ân, ât (Tiết 3)	1 tiết	-Nhìn chữ, hoàn thành trò chơi: sút bóng vào khung thành có vần ât (BT2 tr 108 SGK).
	Tập viết sau bài 60	1 tiết	-Tập tô, viết vần en, et và tiếng xe ben, vẹt vào vở luyện viết 1, tập 1 trang 27 theo HD của GV.
	Bài 60: en, et (Tiết 3)	1 tiết	- Tham gia trò chơi xếp trứng vào rổ có vần et theo HD của GV (BT2 tr 110 SGK).
	Bài 61: ên, êt (Tiết 3)	1 tiết	- Ôn tiếp nhìn chữ dưới hình, đọc đúng tiếng có vần êt theo HD của GV (BT2 tr 112 SGK).
	Tập viết sau bài 61	1 tiết	-Tập tô, viết vần ên, êt và tiếng ten lửa, tết vào vở luyện viết 1, tập 1, trang 27 theo HD của GV.
	Bài 62: Kể chuyện Sư Tử và Chuột Nhắt (Tiết 3)	1 tiết	- Nghe GV kể lại câu chuyện. - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh 5,6 SGK trang 114 theo HD của GV.

MÔN: ÂM NHẠC lớp 1

I. Kế hoạch thực hiện môn Âm nhạc lớp 1

1. Cấu trúc: Gồm 10 chủ đề. Các chủ đề được trình bày theo một cấu trúc xác định với các nội dung có sự gắn kết logic, thể hiện rõ các hoạt động, nhiệm vụ và yêu cầu cần đạt của HS.

Yêu cầu cần đạt

a. Năng lực chung:

Chương trình môn Âm nhạc góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

b.Năng lực đặc thù:

- Biết: Gọi được tên hình thức biểu diễn, liệt kê được một số loại nhạc cụ, tương đối thuộclời ca

- Vận dụng - sáng tạo: Biểu diễn được một số tiết mục âm nhạc.

c. Phẩm chất:

- Học sinh hứng thú, yêu thích, say mê với môn học. Đồng thời giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất năng lực âm nhạc.

II. Kế hoạch môn học cụ thể

TUẦN	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
1	CHỦ ĐỀ 1: tổ quốc Việt Nam	Học bài hát: lá cờ Việt Nam	1	
2		- bài hát: lá cờ Việt Nam - Nghe nhạc quốc ca	1	
3		- Ôn bài hát: lá cờ Việt Nam - nhạc cụ	1	
4		- bài hát: lí cây xanh	1	Gd HS yêu thiên nhiên chăm sóc bảo vệ cây trồng
5	CHỦ ĐỀ 2: Thiên nhiên	- Học hát lí cây xanh	1	
6		- Ôn bài :lí cây xanh	1	
7		- Học hát : mời bạn vui	1	Gd HS yêu quý bạn bè

		múa ca		
8		- Học hát mời bạn vui múa caThường thức âm nhạc ,Nghe nhạc	1	
9	CHỦ ĐỀ 3: tình bạn	- Ôn mời bạn vui múa ca - ,nhạc cụ , trải nhiệm khám phá	1	
10		- Học bài hát: lung linh ngôi sao nhỏ - Nghe nhạc quê hương tươi đẹp	1	gdHS tình yêu quê hương đất nước
11		Học bài lung linh ngôi sao nhỏ Nhạc cụ	1	- HĐTn phân biệt âm thanh cao thấp dài ngắn
12		– ôn bài lung linh ngôi sao nhỏ Trải nghiệm khám phá	1	
13	CHỦ ĐỀ 5: gia đình	- Học bài hát:mẹ đi vắng	1	GdHS biết vâng lời ông bà bố mẹ
14		- Hát bài hát:mẹ đi vắng - Nghe nhạc sắp đến tết rồi	1	Gd HS yêu quý những người thân trong gia đình
15		Ôn tập mẹ đi vắng Nghe nhạc	1	
16		- Ôn tập cuối HKI	1	
17		- Ôn tập cuối HKI	1	

18		- Đánh giá cuối HKI	1	
19	CHỦ ĐỀ 6: tuổi thơ	- Hát: xòe hoa - Nhạc cụ ma- ra cát xi lô phôn ,	1	
20		- Hát xòe hoa . Nghe nhạc tập tầm vông	1	
21		- ôn tập xòe hoa - Nhạc cụ	1	
22		- Học hát : thật đáng yêu	1	HS biết giự vệ sinh cá nhân
23	CHỦ ĐỀ 7: giữ gìn vệ sinh	- Học hát thật đáng yêu – nghe nhạc chiếc đồng hồ	1	
24		- Ôn bài hát:thật đáng yêu - Nhạc cụ	1	
25		- Học hát đội kèn tí hon	1	
26		Học hát đội kèn tí hon Nghe nhạc:chiếc đồng hồ	1	-
27	CHỦ ĐỀ 7:	- ôn tập đội kèn tí hon	1	Gd HS luôn lạc quan vui vẻ

28	GIA ĐÌNH	- Học hát : Chúc mừng sinh nhật ,	1	GdHS trân quý bản thân
29		- Học hát : chúc mừng sinh nhật Nhạc cụ	1	
30		- Ôn tập : chúc mừng sinh nhật	1	
31	CHỦ ĐỀ: VUI ĐÓN HÈ	Hát: thật là hay Nghe nhạc : chú voi con đi bộ	1	Gd HS biết tên các loài chim có giọng hót hay
32		Học hát thật là hay Nhạc cụ	1	
33		Ôn thật là hay Tnkp : tạo ra âm thanh giống tiếng mưa	1	
34		Ôn tập cuối năm	1	
35		Đánh giá cuối năm	1	CĐ: Ôn tập - HĐTN:Biểu diễn 1 bài hát hoặcTĐN đã học.

CHƯƠNG TRÌNH
Môn: KỸ NĂNG GIAO TIẾP; Lớp: 1 – Học sinh khuyết tật trí tuệ
(35 tuần x 3 tiết/tuần = 105 tiết)

1. MỤC TIÊU

Phân môn Phát triển giao tiếp dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ nhằm:

- Xây dựng mối quan hệ với người xung quanh.

- Cung cấp vốn từ ngữ thông dụng.
- Phát triển kỹ năng hiểu và diễn đạt thông tin bằng các hình thức phù hợp với khả năng và nhu cầu của mỗi học sinh.
- Hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử phù hợp với bối cảnh giao tiếp khác nhau đảm bảo cho HS có sự giao lưu, hoà nhập thành công trong cộng đồng.

2. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

TUẦN	TIẾT	TÊN BÀI	MỤC TIÊU	ĐỒ DÙNG
		CHỦ ĐỀ: TRƯỜNG HỌC		
1	**1**	Ổn định nề nếp	- Kiến thức: Học sinh làm quen với lớp, ổn định nề nếp - Kỹ năng: Biết ngồi đúng chỗ của mình. - Thái độ: Biết giữ nề nếp, trật tự lớp học	Lớp học, tranh ảnh
	2	Giới thiệu tên, tuổi	- Kiến thức: Học sinh biết giới thiệu tên tuổi của mình cho thầy cô nghe. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng nói được tên tuổi của mình. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen ghi nhớ tên tuổi của mình.	Tranh minh họa Tình huống ngắn theo nội dung bài học
	3	Thực hành: Giới thiệu tên, tuổi	- Kiến thức: Học sinh biết nói lời chào hỏi thầy cô trong trường - Kỹ năng: Rèn kỹ năng nói được tên tuổi của mình. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen ghi nhớ tên tuổi của mình.	Tranh minh họa
2	**4**	Gọi tên bạn, tên cô	- Kiến thức: Học sinh biết sử dụng các từ thân mật khi gọi tên bạn, tên cô. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh ghi nhớ tên bạn, tên cô.	Tranh minh họa Tình huống ngắn theo nội dung bài học.
	5	Chào hỏi, tạm biệt	- Kiến thức: Học sinh biết nói lời chào hỏi, tạm biệt. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thái độ lể phép chào hỏi với mọi người.	Tranh minh họa.
	6	Thực hành:- Gọi tên bạn, tên cô - Chào hỏi, tạm biệt	- Kiến thức: Học sinh biết gọi tên bạn, tên cô, biết chào hỏi, tạm biệt. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp lễ phép.	Phim thiếu nhi theo chủ đề đã học
3	**7**	Giới thiệu người bạn thân của em.	- Kiến thức: Học sinh biết giới thiệu người bạn thân của mình. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp	Tranh minh họa.

			- Thái độ: Giáo dục học sinh biết cách giới thiệu về người bạn của mình.	
	8	Thực hành:- Giới thiệu người bạn thân của em .	- Kiến thức: Học sinh biết giới thiệu người bạn thân của mình. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh biết cách giới thiệu về người bạn của mình	Tranh minh họa.
	9	Thực hành: Xem tranh và trả lời câu hỏi: Đúng sai.	- Kiến thức: Học sinh biết nhận xét qua tranh. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh biết cách giới thiệu về người bạn của mình	Tranh minh họa.
4 **4**	**10**	Nói tên trường, địa chỉ trường	- Kiến thức: Học sinh biết nói đúng tên trường và địa chỉ trường. - Kỹ năng: Rèn kỹ sử dụng ngôn ngữ đúng trong giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen ghi nhớ tên trường và địa chỉ trường.	Tranh minh họa.
	11 **9**	Thực hành: Nói tên trường, địa chỉ trường	- Kiến thức: Học sinh biết nói đúng tên trường và địa chỉ trường. - Kỹ năng: Rèn kỹ sử dụng ngôn ngữ đúng trong giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen ghi nhớ tên trường và địa chỉ trường.	Tranh minh họa.
	12	Trao đổi với cô và các bạn về ngày khai giảng.	- Kiến thức: Học sinh biết học cách trao đổi với cô về các hoạt động của ngày khai giảng. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.	Tranh minh họa.
5	**13**	Tập trả lời 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh có chủ đề trường học	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và trả lời 2-3 câu hỏi thông qua tranh - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp	Tranh ảnh về chủ đề trường học
	14	Trao đổi với cô và các bạn về ngày tết Trung Thu.	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và trả lời 2-3 câu hỏi thông qua tranh - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp.	Tranh ảnh về chủ đề ngày Trung thu
	15	Tập trả lời 2-3 câu hỏi đơn giản	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và trả lời 2-3 câu hỏi thông qua	Tranh minh họa và

		về các bức tranh có chủ đề về ngày tết Trung Thu.	tranh - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp	câu hỏi gợi ý.
6	**6** **16**	Nghe hiểu nội dung truyện kể về chủ đề trường lớp	- Kiến thức: Học sinh hiểu nội dung qua câu truyện cô đã kể - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp.	Truyện kể về chủ đề trường lớp
	17	Thực hành: Xem tranh và trả lời câu hỏi về chủ đề trường lớp.	- Kiến thức: Học sinh xem tranh và trả lời câu hỏi về chủ đề trường lớp. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói.	Tranh minh họa Truyện ngắn
	18	Tập trả lời 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh có chủ đề về các hoạt động ngoại khóa của nhà trường. (Ví dụ: Hoạt động tham quan, hoạt động lao động…)	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và trả lời 2-3 câu hỏi thông qua tranh - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp.	Tranh minh họa Truyện ngắn
7	**19**	Tập trả lời và đặt câu hỏi theo chủ đề nhà trường: Ai? Cái gì?	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và biết trả lời câu hỏi: Ai? cái gì? Thông qua tranh - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp	Tranh ảnh về chủ đề trường học
	20	Tập trả lời và đặt câu hỏi theo chủ đề nhà trường: Ở đâu ? Khi nào ?	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và biết trả lời câu hỏi: Ở đâu? Khi nào? Thông qua tranh. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp.	Tranh ảnh về chủ đề trường học
	21	Xem phim thiếu nhi	- Kiến thức: Học sinh xem phim và hiểu được nội dung phim. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp thông qua các nhân vật trong phim.	Phim thiếu nhi theo chủ đề đã học
8	**22**	Tập trả lời và đặt câu hỏi theo chủ	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và biết trả lời câu hỏi: Tại sao? Có	Tranh ảnh về chủ

		đề nhà trường: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau?	gì giống nhau ? Thông qua tranh - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp	đề trường học
	23	Tập trả lời và đặt câu hỏi tập trả lời và đặt câu hỏi theo chủ đề nhà trường: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và biết trả lời câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì? Thông qua tranh - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp	Tranh ảnh về chủ đề trường học
	24	Thực hành: Tổ chức trò chơi sắm vai theo chủ đề nhà trường.	- Kiến thức: Học sinh biết sắm vai thực hiện nội dung giao tiếp đơn giản theo chủ đề nhà trường. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói thông qua hoạt động sắm vai.	Tranh minh họa Truyện ngắn
9	**25**	Trò chơi: “ Kéo cưa lừa xẻ”	- Kiến thức: Trẻ biết tham gia vào trò chơi tập thể. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói thông qua trò chơi.	Tranh minh họa.
	26	**Ôn tập**	- Kiến thức: Trẻ nhớ và nhắc lại được các nội dung đã học về chủ đề trường học - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói và giao tiếp hợp ngữ cảnh	**Bài tập trắc nghiệm**
	27	**Kiểm tra**	**Nội dung kiểm tra**	**Bài kiểm tra**
		CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN		
10 1(	**28**	Biết nói lên mơ ước của bản thân Ví dụ: Hiểu được câu hỏi: + "Lớn lên con làm gì?	- Kiến thức: Học sinh biết nói lên mơ ước của bản thân thông qua hiểu và trả lời được câu hỏi. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung chú ý và giao tiếp đúng phù hợp. - Thái độ: Có thói quen giao tiếp phù hợp ngữ cảnh.	Tranh minh họa

		+ "Con thích nghề gì?" + "Tại sao con thích nghề đó?"...		
	29	Biết nói lên mơ ước của bản thân Ví dụ: Hiểu được câu hỏi: + "Lớn lên con làm gì? + "Con thích nghề gì?" + "Tại sao con thích nghề đó?"...	- Kiến thức: Học sinh biết nói lên mơ ước của bản thân thông qua hiểu và trả lời được câu hỏi. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung chú ý và giao tiếp đúng phù hợp. - Thái độ: Có thói quen giao tiếp phù hợp ngữ cảnh.	Tranh minh họa
	30	Thực hành: Nói lên ước mơ của bản thân.	- Kiến thức: Học sinh biết nói lên mơ ước của bản thân thông qua hiểu và trả lời được câu hỏi. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung chú ý và giao tiếp đúng phù hợp. - Thái độ: Có thói quen giao tiếp phù hợp ngữ cảnh.	Tranh minh họa và câu hỏi trắc nghiệm
11	**31**	Biết diễn đạt niềm mơ ước của mình bằng 3 -4 câu.	- Kiến thức: Học sinh biết diễn đạt mơ ước của mình bằng 3 – 4 câu. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung chú ý và giao tiếp đúng phù hợp. - Thái độ: Có thói quen giao tiếp phù hợp ngữ cảnh.	Tranh minh họa
	32	Biết diễn đạt niềm mơ ước của mình bằng 3 -4 câu.	- Kiến thức: Học sinh biết diễn đạt mơ ước của mình bằng 3 – 4 câu. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung chú ý và giao tiếp đúng phù hợp. - Thái độ: Có thói quen giao tiếp phù hợp ngữ cảnh.	Tranh minh họa
	33	Thực hành: Diễn đạt niềm mơ ước của mình bằng 3 -4 câu.	- Kiến thức: Học sinh biết diễn đạt mơ ước của mình bằng 3 – 4 câu. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung chú ý và giao tiếp đúng phù hợp. - Thái độ: Có thói quen giao tiếp phù hợp ngữ cảnh.	Tranh minh họa và câu hỏi trắc nghiệm
12	**34**	Tập trả lời 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh có chủ đề về ngày 20-11	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và trả lời 2-3 câu hỏi thông qua tranh theo chủ đề ngày 20-11. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	35	Tập trả lời 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh có chủ đề về ngày 20-11	- Kiến thức: Học sinh nhìn tranh và trả lời 2-3 câu hỏi thông qua tranh theo chủ đề ngày 20-11. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

	36	Thực hành: Nói về ngày hội của thầy cô giáo.(Các hoạt động diễn ra…)	- Kiến thức: Học sinh biết dùng lời nói để nói về ngày hội của thầy cô giáo. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen giao tiếp phù hợp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
13	**37**	Kể lại được một số ngữ cảnh diễn ra mà trẻ đã gặp trên đường.	- Kiến thức: Học sinh biết kể lại được một số ngữ cảnh diễn ra mà trẻ đã gặp trên đường .- Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung ghi nhớ - Thái độ: Có thói quen nhớ những việc xayỷ ra trên đường mà mình đã gặp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	38	Kể lại được một số ngữ cảnh diễn ra mà trẻ đã gặp trên đường.	- Kiến thức: Học sinh biết kể lại được một số ngữ cảnh diễn ra mà trẻ đã gặp trên đường .- Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung ghi nhớ - Thái độ: Có thói quen nhớ những việc xayỷ ra trên đường mà mình đã gặp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	39	Thực hành: Diễn tả một số ngữ cảnh diễn ra mà trẻ đã gặp trên đường.	- Kiến thức: Học sinh biết kể lại được một số ngữ cảnh diễn ra mà trẻ đã gặp trên đường .- Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung ghi nhớ - Thái độ: Có thói quen nhớ những việc xayỷ ra trên đường mà mình đã gặp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
14	**40**	Nói lên sở thích của em. Ví dụ: Các em thích chơi gì? Thích chơi với bạn nào? Thích môn học nào?	- Kiến thức: Học sinh nói lên sở thích của em. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng nói lên suy nghĩ của mình. - Thái độ: Có thói quen nói ý thích của mình.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	41	Nói lên sở thích của em. Ví dụ: Các em thích mặc đồ gì? Thích món ăn gì? Thích uống gì?	- Kiến thức: Học sinh nói lên sở thích của em. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng nói lên suy nghĩ của mình. - Thái độ: Có thói quen nói ý thích của mình.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	42	Thực hành: Nói lên sở thích của em.	- Kiến thức: Học sinh nói lên sở thích của em. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng nói lên suy nghĩ của mình. - Thái độ: Có thói quen nói ý thích của mình.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
15	**43**	Biết thể hiện cách xưng hô đúng tình huống ngữ cảnh.	- Kiến thức: Học sinh biết dùng lời nói thể hiện cách xưng hô đúng tình huống ngữ cảnh.… - Kỹ năng: Rèn kỹ năng thể hiện lời nói phù hợp. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói đúng.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

	44	Biết thể hiện cách xưng hô đúng tình huống ngữ cảnh.	- Kiến thức: Học sinh biết dùng lời nói thể hiện cách xưng hô đúng tình huống ngữ cảnh.… - Kỹ năng: Rèn kỹ năng thể hiện lời nói phù hợp. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói đúng.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	45	Thực hành: Thể hiện cách xưng hô đúng tình huống ngữ cảnh.	- Kiến thức: Học sinh biết dùng lời nói thể hiện cách xưng hô đúng tình huống ngữ cảnh.… - Kỹ năng: Rèn kỹ năng thể hiện lời nói phù hợp. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói đúng.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
16	**46**	Trình bày một số ý kiến của bản thân.	- Kiến thức: Học sinh biết Trình bày một số ý kiến của bản thân. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng thể hiện lời nói khi có nhu cầu. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói đúng, phù hợp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	47	Trình bày một số ý kiến của bản thân.	- Kiến thức: Học sinh biết Trình bày một số ý kiến của bản thân. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng thể hiện lời nói khi có nhu cầu. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói đúng, phù hợp	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	48	Thực hành: Trình bày một số ý kiến của bản thân.	- Kiến thức: Học sinh biết Trình bày một số ý kiến của bản thân. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng thể hiện lời nói khi có nhu cầu. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói đúng, phù hợp	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
17	**49**	Biết trình bày những điểm mạnh của bản thân. ví dụ: Con biết hát, Con biết nấu ăn...	- Kiến thức: Trẻ Biết trình bày những điểm mạnh của bản thân. ví dụ: Con biết hát, Con biết nấu ăn... - Kỹ năng: Rèn cho học sinh khả năng trình bày những việc bản thân làm được với người khác. - Thái độ: Giáo dục học sinh mạnh mẻ nói lên nguyện vọng của mình trong giao tiếp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	50	Biết trình bày những điểm mạnh của bản thân. ví dụ: Con biết hát, Con biết nấu ăn...	- Kiến thức: Trẻ Biết trình bày những điểm mạnh của bản thân. ví dụ: Con biết hát, Con biết nấu ăn... - Kỹ năng: Rèn cho học sinh khả năng trình bày những việc bản thân làm được với người khác. - Thái độ: Giáo dục học sinh mạnh mẻ nói lên nguyện vọng của mình trong giao tiếp.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	51	Thực hành: Biết trình bày những điểm mạnh của bản thân.	- Kiến thức: Trẻ Biết trình bày những điểm mạnh của bản thân. ví dụ: Con biết hát, Con biết nấu ăn...	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

			- Kỹ năng: Rèn cho học sinh khả năng trình bày những việc bản thân làm được với người khác. - Thái độ: Giáo dục học sinh mạnh mẻ nói lên nguyện vọng của mình trong giao tiếp.	
18	**52**	Đọc đồng dao	- Kiến thức: Trẻ hiểu và nhắc lại được nội dung của bài đồng dao. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp thông qua bài đồng giao. - Thái độ: Yêu thích bài đồng giao.	**Bài đồng dao**
	53	**Ôn tập**	- Kiến thức: Trẻ nhớ và nhắc lại được các nội dung đã học về chủ đề bản thân. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói và giao tiếp hợp ngữ cảnh.	**Bài tập trắc nghiệm**
	54	Kiểm tra	**Nội dung kiểm tra**	**Bài kiểm tra**
		CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH		
19	**55**	Giới thiệu về những người thân trong gia đình.	- Kiến thức: Học sinh nói được tên tuổi của ngững ngừoi thân trong gia đình. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng giới thiệu với người khác về người thân của mình. - Thái độ: Biết quan tâm đến những người trong trong gia đình.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	56	Ứng xử với người thân trong gia đình.	- Kiến thức: Học sinh biết ứng xử lễ phép với những người thân trong gia đình. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng ứng xử. - Thái độ: Có thái độ lễ phép với người thân trong gia đình.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	57	Thực hành: Xử lí tình huống “ Ứng xử với người thân trong gia đình”.	- Kiến thức: Học sinh biết ứng xử lễ phép với những người thân trong gia đình thông qua các tình huống mà giáo viên đưa ra. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng ứng xử.	Tranh minh họa và câu hỏi trắc nghiệm

			- Thái độ: Có thái độ lễ phép với người thân trong gia đình.	
20	**58**	Chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề học tập.	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề học tập. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tranh minh họa
	59	Chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề sức khỏe.	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề sức khỏe. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tranh minh họa
	60	Thực hành: Chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề học tập và sức khỏe.	- Kiến thức: Học sinh chia sẻ thông tin với gia đình thông qua các tình huống về học tập và sức khỏe. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
21	**61**	Chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề ăn uống.	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề ăn uống. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	62	Chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề ăn uống.	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề ăn uống. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
	63	Thực hành: Chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề ăn uống.	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ thông tin với gia đình về vấn đề ăn uống thông qua các tình huống mà giáo viên đưa ra. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tình huống để học sinh xử lý.
22	**64**	Chia sẽ thông tin với gia đình về một số công việc gia đình như: Quét nhà, lau nhà.	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ thông tin với gia đình về một số công việc gia đình như: Quét nhà, lau nhà. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tranh minh họa.Một số câu hỏi gợi ý.
	65	Chia sẽ thông tin với gia đình về một số công việc gia đình như: Nấu cơm.	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ thông tin với gia đình về một số công việc gia đình như: Nấu cơm. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng trao đổi thông tin. - Thái độ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi thông tin.	Tranh minh họa.Một số câu hỏi gợi ý.
	66	Xem tranh: Về các công việc trong	- Kiến thức: Học sinh biết theo dõi các cách ứng xử của các nhân vật	Tranh về các công

		gia đình.	trong chuyện - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ - Thái độ: Có thói quen quan tâm đến công việc của mọi người trong gia đình	việc trong gia đình.
23	**67**	Lễ phép với anh chị, nhường nhịn em nhỏ.	- Kiến thức: Học sinh biết dùng lời nói thể hiện lễ phép với anh chị, nhường nhịn em nhỏ. - Kỹ năng: Rèn luyện sử dụng lời nói lễ phép. - Thái độ: Kính trọng anh chị và quan tâm đến em nhỏ.	Tranh minh họa và một số câu hỏi gợi ý.
	68	Lễ phép với anh chị, nhường nhịn em nhỏ.	- Kiến thức: Học sinh biết dùng lời nói thể hiện lễ phép với anh chị, nhường nhịn em nhỏ. - Kỹ năng: Rèn luyện sử dụng lời nói lễ phép. - Thái độ: Kính trọng anh chị và quan tâm đến em nhỏ.	Tranh minh họa và một số câu hỏi gợi ý.
	69	Thực hành: Tổ chức xem tranh – Xử lý tình huống.	- Kiến thức: Học sinh biết xem tranh và xử lý tình huống thể hiện lễ phép với anh chị, nhường nhịn em nhỏ. - Kỹ năng: Rèn luyện sử dụng lời nói lễ phép. - Thái độ: Kính trọng anh chị và quan tâm đến em nhỏ.	Tranh minh họa và một số câu hỏi gợi ý.
24	**70**	Biết giao tiếp với người bằng tuổi lớn tuổi	- Kiến thức: Học sinh biết giao tiếp với người bằng tuổi lớn tuổi - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ - Thái độ: Có thói quen tự tin trong giao tiếp và sử dụng lời nói phù hợp với từng đối tượng	Băng, đĩa có nội dung phù hợp với bài học
	71	Biết nhận lỗi và sữa lỗi.	- Kiến thức: Học sinh biết nói lời nhận lỗi và sữa lỗi - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ - Thái độ: Có thói quen sử dụng lời nói phù hợp với từng hoàn cảnh	Băng, đĩa có nội dung phù hợp với bài học
	72	Thực hành: Tổ chức xem tranh – Xử lý tình huống	- Kiến thức: Học sinh xem tranh và trả lời câu hỏi đúng sai đối với tranh có các tình huống - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung ghi nhớ - Thái độ: Có thói quen sử dụng lời nói phù hợp với từng hoàn cảnh	Tranh minh họa và câu hỏi trắc nghiệm
25	**73**	Chia sẽ một số thông tin đơn giản với người khác để nhận được sự giúp đỡ, sự động viên khích lệ...	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ một số thông tin đơn giản với người khác để nhận được sự giúp đỡ, sự động viên khích lệ... - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Có thói quen bày tỏ tâm tư nguyện vọng của mình.	Băng, đĩa có nội dung phù hợp với bài học
	74	Chia sẽ một số thông tin đơn giản với người khác để nhận được sự	- Kiến thức: Học sinh biết chia sẽ một số thông tin đơn giản với người khác để nhận được sự giúp đỡ, sự động viên khích lệ...	Băng, đĩa có nội dung

		giúp đỡ, sự động viên khích lệ...	- Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Có thói quen bày tỏ tâm tư nguyện vọng của mình.	phù hợp với bài học
	75	Thực hành: Xem phim	- Kiến thức: Học sinh xem phim có các tình huống theo chủ đề đã học. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng tập trung ghi nhớ - Thái độ: Giáo dục học sinh kính trọng và vâng lời ông ba, cha mẹ	Phim có tình huống đã học.
26	**76**	Kể chuyện về gia đình	- Kiến thức: Học sinh biết kể chuyện về gia đình của mình. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh quan tâm đến các hoạt động xảy ra trong gia đình.	Băng, đĩa có nội dung phù hợp với bài học
	77	Trò chơi: Nu na nu nống	- Kiến thức: Học sinh biết than gia chơi trò chơi tập thể. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ - Thái độ: Giáo dục học sinh gắn bó tình cảm bạn bè thông qua trò chơi.	Tranh minh họa.
	78	Thực hành: Xử lý tình tình huống	- Kiến thức: Học sinh xem tranh và trả lời câu hỏi đúng sai trong tình huống giáo viên đưa ra. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng giao tiếp. - Thái độ: Có thói quen sử dụng lời nói phù hợp với từng hoàn cảnh	Tranh minh họa và câu hỏi trắc nghiệm
27	79	**Ôn tập**	- Kiến thức: Trẻ nhớ và nhắc lại được các nội dung đã học về chủ đề giao tiếp trong gia đình - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói và giao tiếp phù hợp ngữ cảnh	**Bài tập trắc nghiệm**
	80	**Ôn tập**	- Kiến thức: Trẻ nhớ và nhắc lại được các nội dung đã học về chủ đề giao tiếp trong gia đình - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói và giao tiếp phù hợp ngữ cảnh	**Bài tập trắc nghiệm**
	81	Kiểm tra	**Nội dung kiểm tra**	**Bài tập khiểm tra**

	82	CHỦ ĐỀ: CỘNG ĐỒNG		
28		Trò chuyện về sở thích của em.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về sở thích của bản thân. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen nói lên sở thíh của mình.	Băng, đĩa có nội dung phù hợp với bài học
	83	Trò chuyện về sở thích của em.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về sở thích của bản thân. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen nói lên sở thíh của mình.	Băng, đĩa có nội dung phù hợp với bài học
	84	Thực hành: Trò chuyện về sở thích của em.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về sở thích của bản thân. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ - Thái độ: Giáo dục học sinh thói quen nói lên sở thíh của mình.	Băng đĩa có Câu chuyện tình huống…
29	**85**	Trò chuyện về các phương tiện giao thông đường bộ.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường bộ. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường bộ.	Tranh minh họa.
	86	Trò chuyện về các phương tiện giao thông đường bộ.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường bộ. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường bộ.	Tranh minh họa.
	87	Thực hành: Xem tranh về các phương tiện giao thông đường bộ.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường bộ. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường bộ.	Tranh minh họa.
30	**88**	Trò chuyện về các phương tiện giao thông đường thủy.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường thủy. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.

	89	Trò chuyện về các phương tiện giao thông đường thủy.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường thủy. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	90	Thực hành: Xem tranh về các phương tiện giao thông đường thủy.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường thủy. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
31	**91**	Trò chuyện về các phương tiện giao thông đường hàng không.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường hàng không.. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường hàng không.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	92	Trò chuyện về các phương tiện giao thông đường hàng không.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường hàng không.. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường hàng không.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	93	Thực hành: Xem tranh về các phương tiện giao thông đường hàng không.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về các phương tiện giao thông đường hàng không.. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích và sử dụng các phương tiện giao thông đường hàng không.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
32	**94**	Trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của địa phương.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của địa phương. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh của địa phương.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	95	Trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của địa phương.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của địa phương. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.

			của địa phương.	
	96	Thực hành: Xem tranh về một số danh lam thắng cảnh của địa phương.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của địa phương. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh của địa phương.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi trắc nghiệm.
33	**97**	Trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của đất nước.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của của đất nước. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh của của đất nước.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	98	Trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của đất nước.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của của đất nước. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh của của đất nước.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	99	Thực hành: Xem tranh về một số danh lam thắng cảnh của đất nước.	- Kiến thức: Học sinh biết trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh của của đất nước. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh của của đất nước.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi trắc nghiệm.
34	**100**	Biết diễn đạt về danh lam thắng cảnh của địa phương, của đất nước.bằng 2 -3 câu.	- Kiến thức: Học sinh biết diễn đạt về danh lam thắng cảnh của địa phương, của đất nước.bằng 2 -3 câu. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh của của đất nước.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	101	Biết diễn đạt về danh lam thắng cảnh của địa phương, của đất nước.bằng 2 -3 câu.	- Kiến thức: Học sinh biết diễn đạt về danh lam thắng cảnh của địa phương, của đất nước.bằng 2 -3 câu. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển giao tiếp, mở rộng vốn từ. - Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích một số danh lam thắng cảnh của của đất nước.	Tranh minh họa.Và một số câu hỏi gợi ý.
	102	Thực hành: Tập thể hiện cảm xúc của bản thân	- Kiến thức: Học sinh nhận biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng hiểu và thể hiện đúng cảm xúc của mình.	Tranh minh họa

			- Thái độ: Giáo dục học sinh có thói quen thể hiện cảm xúc đúng hoàn cảnh.	
35	**103**	**Ôn tập**	- Kiến thức: Trẻ nhớ và nhắc lại được các nội dung đã học về chủ đề giao tiếp trong cộng đồng - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói và giao tiếp phù hợp ngữ cảnh	**Bài tập trắc nghiệm**
	104	**Ôn tập**	- Kiến thức: Trẻ nhớ và nhắc lại được các nội dung đã học về chủ đề giao tiếp trong cộng đồng. - Kỹ năng: Rèn kỹ năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp và hiểu nội dung trong giao tiếp. - Thái độ: Giáo dục học sinh hiểu nội dung lời nói và thái độ, cảm xúc giao tiếp phù hợp ngữ cảnh.	**Bài tập trắc nghiệm**
	105	Kiểm tra cuối năm học	**Nội dung kiểm tra**	**Bài kiểm tra**

Đăk Cấm : Ngày 27 tháng 8 năm 2025

P. HIỆU TRƯỞNG	TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN	GV LÊN KẾ HOẠCH
Lê Mạnh Hà	Lương Thị Hồng Phượng	Trần Thị Quyên

Ký bởi: Trần Thị Quyên
Thời gian ký: 01/03/2026 21:41:02